|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 1** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018**  **Môn: GDCD**  *Thời gian: 50 phút* |

Câu 1: Xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật bảo đảm cho công dân được hưởng đẩy đủ các quyền tự do cơ bản là trách nhiệm của  
A. nhân dân. B. công dân. C. nhà nước. D. lãnh đạo Nhà nước.

Câu 2: Tổ chức và xây dựng bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật để bảo vệ các quyền tự do cơ bản của công dân là trách nhiệm của

A. nhân dân. B. công dân.

C. nhà nước. D. lãnh đạo Nhà nước.

Câu 3: Phải học tập tìm hiểu nội dung các quyển tự do cơ bản để phân biệt hành vi đúng pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật là trách nhiệm của  
A. nhân dân. B. công dân. C. nhà nước. D. lãnh đạo Nhà nước.

Câu 4: Có trách nhiệm phê phán, đấu tranh, tố cáo những việc làm trái pháp luật, vi phạm quyển tự do cơ bản của công dân là trách nhiệm của  
A. nhân dân. B. công dân. C. nhà nước. D. lãnh đạo Nhà nước.

Câu 5: Chọn nhận định đúng về quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

A. Trong mọi trường hợp, không ai có thể bị bắt.

B. Công an có thể bắt người nếu nghi là phạm tội.

C. Trong mọi trường hợp, chỉ được bắt người khi có quyết định của toà án.

D. Chỉ được bắt người khi có lệnh bắt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trừ trường hợp phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

Câu 6: Chọn nhận định đúng về quyền bất khả xâm phạm về thân thể.

A. Công an có thể bắt người vi phạm pháp luật.

B. Chỉ được bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang.

C. Trong mọi trường hợp, chỉ được bắt người khi có lệnh bắt của Toà án hoặc của Viện kiểm sát.  
D. Ai cũng có quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

Câu 7: Đặt điều nói xấu người khác là vi phạm quyền

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.  
C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 8: Đánh người gây thương tích là vi phạm quyền

A. bất khả xâm phạm vể thằn thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 9: Công an bắt giam người vì nghi ngờ lấy trộm xe máy là vi phạm quyền

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. bất khả xâm phạm về chỗ *ở* của công dân.

Câu 10: Đi xe máy vượt đèn đỏ gây thương tích cho người khác là vi phạm quyền

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 11: Giam giữ người quá thời hạn qui định là vi phạm quyền

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 12: Xúc phạm người khác trước mặt nhiều người là vi phạm quyền

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

Câu 13: Tự tiện khám chỗ ở của công dân là vi phạm quyền

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.

C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

***Tình huống: (Trả lời càu 14,15,16,17,18,19):***

Do mâu thuẫn, cãi vã to tiếng rồi chửi nhau, học sinh A nóng giận mất bình tĩnh nên đã ném bình hoa ở lớp vào mặt học sinh B. Học sinh B tránh được nên bình hoa trúng vào đấu học sinh c đang đứng ngoài lên tiếng bênh vực học sinh A.

Câu 14: Hành vi của học sinh A đã vi phạm quyền gì đối với học sinh B?

A. bất khả xâm phạm vể thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.  
C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. không vi phạm gì.

Câu 15: Hành vi của học sinh A đã vi phạm quyền gì đối với học sinh C?

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.  
C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. không vi phạm gì.

Câu 16: Hành vi của học sinh B đã vi phạm quyền gì đối với học sinh A

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ vể tính mạng, sức khoẻ của công dân.  
C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. không vi phạm gì.

Câu 17: Hành vi của học sinh B đã vi phạm quyền gì đối với học sinh C

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ của công dân.  
C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. không vi phạm gì.

Câu 18: Hành vi của học sinh C đã vi phạm quyền gì đối với học sinh A

A. bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. được pháp luật bảo hộ vê' tính mạng, sức khoẻ của công dân.  
C. được pháp luật bảo hộ về danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. không vi phạm gì.

Câu 19: Hành vi của học sinh C đã vi phạm quyển gì đối với học sinh B

A. Bất khả xâm phạm vê' thân thể của công dân.

B. Được pháp luật bảo hộ vê' tính mạng, sức khoẻ của công dân.  
C. Được pháp luật bảo hộ vê' danh dự, nhân phẩm của công dân.

D. Không vi phạm gì.

Câu 20: Khẳng định nào dưới đây là Sai về quyền được pháp luật bảo vệ danh dự và nhân phẩm của công dân?

A. Không ai được nói xấu, xúc phạm người khác để hạ uy tín của người ấy.

B. Không ai được lợi dụng lòng tốt của người khác.  
C. Không ai được mắng nhiếc, mạt sát người khác.

D. Không ai được bịa đặt điều xấu, tung tin xấu, nói xấu người khác để làm tổn hại về danh dự của người ấy.

Câu 21: Khẳng định nào dưới đây là Sai về quyền được pháp luật bảo vệ về danh dự và nhân phẩm của công dân?

A. Không ai được làm thiệt hại đến nhân phẩm, danh dự của người khác.

B. Không ai được làm thiệt hại đến uy tín của người khác.  
C. Không ai được phê bình gay gắt đối với người khác.

D. Không ai được mắng nhiếc, mạt sát người khác.

Câu 22: Pháp luật cho phép khám chỗ ở trong trường hợp nào dưới đây?

A. Nghi ngờ chỗ ở, địa điểm của người nào đó có đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

B. Có căn cứ để khẳng định chỗ ở, địa điểm của một người có tài liệu liên quan đến vụ án.  
C. Nghi ngờ người nào đó đang thực hiện tội phạm.

D. Nghi ngờ chỗ ở, địa điểm của một người có công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm.

Câu 23: Pháp luật cho phép khám chỗ ở trong trường hợp nào dưới đây?

A. Nghi ngờ người nào đó đang thực hiện tội phạm.

B. Cần bắt người đang bị truy nã hoặc người phạm tội đang lẩn tránh ở đó.  
C. Có căn cứ để khẳng định chỗ ở và địa điểm của một người có tiền.

D. Có căn cứ để khẳng định chỗ ở và địa điểm của một người có dao, búa, rìu.

Câu 24: Trong các trường hợp sau, trường hợp nào là sai về quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

A. Tự tiện bắt và giam giữ người là hành vi trái pháp luật.

B. Bắt người là vi phạm pháp luật.

C. Trong trường hợp cần thiết, có thể bắt và giam giữ người nhưng phải theo đúng quy định của pháp luật.

D. Chỉ được bắt người trong trường hợp được pháp luật cho phép.

Câu 25: Công dân có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận bằng cách nào?

A. Trực tiếp phát biểu ý kiến trong các cuộc họp ở cơ quan, trường học, khu dân cư nơi mình cư trú.

B. Tự do phát biểu ở bất cứ nơi nào về bất cứ điểu gì mà mình thích.

C. Tập trung đông người để phản đối việc làm sai trái của chính quyền địa phương.

D. Phát tờ rơi trên các ngã tư đường phố.

Câu 26: Hạnh và Giang ngồi cạnh nhau, trong giờ kiểm tra Hạnh đã muốn nhìn bài của Giang nhưng Giang không đồng ý. Kết quả là Giang được điểm cao còn Hạnh bị điểm kém. Hạnh vì ghen ghét đã tung tin là Giang đã giở tài liệu nên mới được điểm cao như vậy. Giang bị một số bạn trong lớp xa lánh và không còn thiện cảm với bạn ấy nữa. Hành động của Hạnh đã vi phạm quyền gì?

A. Quyền đảm bảo bí mật cá nhân. B. Quyền bất khả xâm phạm về danh dự và nhân phẩm.  
C. Quyển riêng tư cá nhân. D. Quyền quyết định cá nhân.

Câu 27: Hai bạn A và B cùng yêu 1 bạn nam tên C. Tuy nhiên C chỉ yêu A và không yêu B. Vì ghen ghét nên B đã định bụng sẽ trả thù A bằng cách là thuê một đám học sinh đánh dằn mặt cho A và quay cả clip tung lên mạng xã hội. Như vậy là B đã vi phạm quyền gì đối với A?

A. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.

B. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.  
C. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

D. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm của công dân.

Câu 28: Thấy hai thanh niêm đang trộm chó bỏ chạy, nhiều thanh niên ở làng đã bám đuổi theo sát, nhìn thấy họ chạy vào tận nhà ông Dân. Đám thanh niên đã tóm được hai tên trộm chó. Tất cả đám thanh niêm xông vào đánh cho hai thanh niên một trận tơi bời, máu chảy đầm đìa. Hành động của thanh niên trong làng là vi phạm quyền gì của công dân?

A. Không vi phạm quyền gì cả, họ ăn trộm rất nhiều chó rồi và hành động đó là đáng với họ.

B. Vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng và sức khỏe.

C. Vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dần.

D. Vi phạm quyển tự do cá nhân.

Cãu 29: Bạn Hương lên Hà Nội học và có thuê nhà của bà Lâm. Nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hương đã chậm tiền nhà của bà Lâm 1 tuần nay Bà Lâm bực mình đuổi Hương ra khỏi phòng trọ, nhưng do Hương không biết đi đâu về đâu nên cứ ở lì trong phòng trọ. Tức thì bà Lâm khóa trái cửa lại nhốt không cho Hương ra. Bà Lâm đã vi phạm quyền gì?

A. Không vi phạm quyền gì cả vì đây là nhà của bà Lâm.

B. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

C. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

D. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và chỗ ở của công dân.

Câu 30: Hai thanh niên đang đuổi theo một tên trộm xe máy nhưng bỗng nhiên mất dấu. Thấy một người nói: chắc tên trộm chạy vào nhà bà Lan. Hai thanh niên đến nhà bà Lan và đòi xông vào nhà tìm. Bà Lan nói không nhìn thấy ai chạy vào nhà và không cho phép hai thanh niên vào nhà. Nhưng hai thanh niên kia vẫn khẳng định và xông vào nhà lục soát. Hai thanh niên đã vi phạm quyền gì?

A. Quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân.

B. Không vi phạm quyển gì vì có người chắc như vậy.

C. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân.

D. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

Câu 31: Trong buổi họp lớp giữa năm học, cả lớp đang rất say sưa phát biểu ý kiến của mình về các giáo viên trong lớp. Hằng được mời đưa ra ý kiến nhưng bạn lại rất ngại và không dám phát biểu vì sợ. Hằng nghĩ là học sinh thì không được phép đưa ra những ý kiến nhận xét về giáo viên nên không dám phát biểu. Hằng đã vi phạm quyển gì?

A. Hằng đã vi phạm quyển tự do ngôn luận.

B. Hằng đã vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về thân thể.

C. Hằng đã vi phạm quyền đảm bảo thư tín.

D. Hằng không vi phạm quyền gì cả.

Câu 32: Từ khi vào năm học lớp 12, An có người yêu và bắt đầu ít tâm sự với bố mẹ và cô thường nhắn tin điện thoại cho người yêu. Mẹ An cảm thấy lo lắng khi An lúc vui lúc buồn mà lại hay thẩn thơ. Nên mẹ An đã lén xem trộm điện thoại của An. Một thời gian sau An phát hiện và nói là mẹ không được phép xem trộm điện thoại của con như vậy nữa. Mẹ An thì cho rằng điều đó không có gì là sai, mẹ An chỉ muốn hiểu An hơn và lo lắng cho con mà thôi chứ mẹ không có ý gì xấu. Theo bạn, mẹ An có vi phạm quyền gì không?

A. Không vi phạm quyền gì.

B. Vi phạm quyền được đảm bảo an toàn thư tín.

C. Vi phạm quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân.

D. Quyền tự do ngôn luận của công dân.

Câu 33: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác với tỉ lệ thương tật dưới 30% thì bị phạt tù nhiều nhất là?

A. 1 năm B. 2 năm C. 3 năm D. 4 năm

Câu 34: Người xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của người khác bị phạt tù nhiều nhất là?

A. Chỉ bị phạt cảnh cáo. B. Chỉ bị phạt cải tạo không giam giữ.

C. Phạt tù 3 tháng. D. Phạt tù 2 năm.

Câu 35: Người bịa đặt, loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác bị phạt tù nhiều nhất là?

A. 2 năm B. 3 năm C. 4 năm D. 5 năm

Câu 36: Người bắt và giam giữ người trái pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng bị phạt tù nhiều nhất là?

A. 3 năm B. 4 năm C. 5 năm D. 10 năm

Câu 37: Người khám xét trái phép chỗ ở của người khác bị phạt tù nhiều nhất là?

A. Cải tạo không giam giữ 1 năm. B. Phạt cảnh cáo 5 triệu.

C. Đi tù 1 năm. D. Đi tù 3 năm.

Câu 38: Tội tái xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín của người khác bị phạt nhiểu nhất là?

A. Phạt hành chính 5 triệu đổng. B. Cải tạo không giam giữ 3 tháng.

C. Cải tạo không giam giữ 1 năm. D. Tù 1 năm.

Câu 39: Khi khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm được cho là liên quan đến vụ việc thì?

A. Tuyệt đối không được khám vào ban đêm.

B. Khám vào bất cứ lúc nào có thông tin.

C. Khám khi không có người chứng kiến.

D. Không được khám vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn, nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Câu 40: Những người nào sau đây không có quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam?

A. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân.

B. Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân.  
C. Chánh án Tòa án nhân dân.

D. Thẩn phán.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 2** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018**  **Môn: GDCD**  *Thời gian: 50 phút* |

Câu 1: Các tổ chức cá nhân chủ động thực hiện quyền (những việc được làm) là?

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật,

C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 2: Các tổ chức cá nhân chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) là :

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật,

C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 3: Các tổ chức cá nhân không làm những việc bị cấm là:

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 4: Anh Tâm đã vượt đèn đỏ, trong trường hợp này anh Tâm đã?

A. Không sử dụng pháp luật. B. Không thi hành pháp luật,

C. Không tuân thủ pháp luật. D. Không áp dụng pháp luật.

Câu 5: Ông Minh thấy đèn đỏ trên đường sáng và đã dừng lại, trong trường hợp này anh Minh đã? A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật,

C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 6: Chị A đã phát hiện ra hành vi giết người của anh B và tố cáo anh B, trong trường hợp này chị A đã?

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật,

C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 7: Công ty X ra quyết định tiếp nhận chị Y làm nhân viên của công ty, điều này thể hiện hình thức thực hiện pháp luật nào?

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật,

C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 8: Pháp luật có quy định thanh niên đủ 18 tuổi trở lên đến 25 tuổi phải đi Nghĩa vụ quân sự nếu như được triệu tập. Hưng có giấy gọi của cơ quan chính quyền và đã tham gia nghĩa vụ đầy đủ, như vậy Hưng đã?

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật.

C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 9: Pháp luật nước Việt Nam quy định người đủ từ bao nhiêu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi vi phạm pháp luật của mình?

A. Từ 14 tuổi trở lên. B. Từ 16 tuổi trở lên.

C. Từ 18 tuổi trở lên. D. Từ 19 tuổi trở lên.

Câu 10: Vi phạm hình sự là

A. hành vi rất nguy hiểm cho xã hội. B. hành vi nguy hiểm cho xã hội.

C. hành vi tương đối nguy hiểm cho xã hội. D. hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội.

Câu 11: Vi phạm hành chính là những hành vi xâm phạm đến

A. quy tắc quản lí của Nhà nước. C. quy tắc quản lí xã hội.

B. quy tắc kỉ luật lao động. D. nguyên tắc quản lí hành chính.

Câu 12: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới

A. các quy tắc quản lý Nhà nước. B.các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.  
C. các quan hệ lao động, công vụ Nhà nước. D. các quan hệ giữa công dân với nhà nước.

Câu 13: Đối tượng nào sau đây chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý?

A. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi.

B. Người từ đủ 12 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi,  
C. Người từ đủ 16 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 18 tuổi.

D. Người dưới 18 tuổi.

Câu 14: Hình thức áp dụng pháp luật do ai thực hiện?

A.Do cán bộ Nhà nước thực hiện.

B. Do cơ quan, công chức Nhà nước thực hiện.

C. Do cơ quan, công chức Nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

D. Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

Câu 15: Chị H đã bị bắt vì tội lạm dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản, trong trường hợp  
này chị H phải chịu trách nhiệm:

A. Hình sự. B. Hành chính. C. Dân sự. D. Kỉ luật

Câu 16: Anh N thường xuyên đi làm muộn và nhiều lần tự ý nghỉ việc không lí do, trong trường hợp này N vi phạm?

A. Hình sự. B. Hành chính. C. Dân sự. D. Kỉ luật

Câu 17. Đối tượng nào sau đây không bị xử phạt hành chính?

A. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. B. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi.

C. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi. D. Người từ dưới 16 tuổi.

Câu 18: Gia đình A lấn đất gia đình B, hành vi trên thuộc loại vi phạm pháp luật nào?

A. Hình sự. B. Hành chính. C. Dân sự. D. Kỉ luật

Câu 19: Người nào sau đây là người không có năng lực trách nhiệm pháp lí?

A. Say rượu. B. Bị ép buộc.

C. Bị bệnh tâm thần. D. Bị dụ dỗ.

Câu 20: Ông Việt có hành vi buôn bán hàng nước ngọt giả, trong quá trình vận chuyển hàng lên các thành phố lớn để tiêu thụ xe của ông đã bị Công an bắt. Khi kiểm tra giá trị của số hàng hóa nói trên, công an đã giám định số hàng vượt quá 30 triệu đồng tiền Việt Nam. Vậy ông Việt đã vi phạm loại pháp luật nào?

A. Vi phạm hình sự. B. Vi phạm hành chính.

C. Vi phạm dân sự. D. Vi phạm kỷ luật.

Câu 21: Hai công ty A và B có những thỏa thuận trong hợp đồng rất rõ ràng. Tuy nhiên, trong thời gian hợp tác công ty B có không làm đúng theo như hợp đồng đã thỏa thuận và có gây thiệt hại tài sản cho công ty A. Như vậy công ty B đã vi phạm loại pháp luật nào dưới đây?

A. Vi phạm hình sự. B. Vi phạm hành chính.

C. Vi phạm dân sự. D. Vi phạm kỷ luật.

Câu 22: Vốn là một nhân viên tại Tòa án thành phố Hà Nội. Anh Đức đã mở thêm phòng Luật và nhận bào chữa cho các thân chủ khi được thuê. Anh đã vi phạm loại pháp luật nào dưới đây?

A. Vi phạm hình sự. B. Vi phạm hành chính.

C. Vi phạm dân sự. D. Vi phạm kỷluật.

Câu 23: Vi phạm hình sự ở mức độ tội phạm nghiêm trọng, khung hình phạt cao nhất là?

A. 5 năm. B. 7 năm. C. 10 năm. D. 12 năm.

Câu 24: Trong các hành vi sau đây, hành vi nào là vi phạm hành chính?

A.Phóng nhanh vượt ẩu quá tốc độ cho phép.

B. Giết người bịt đầu mối.

C. Đánh nhau gây thương tích nghiêm trọng.

D. Nói chuyện trong lớp học.

Câu 25: Các quyền và nghĩa vụ pháp lý cơ bản của công dân được quy định trong?

A. Luật Dân sự. B. Luật Hành chính,

C. Luật Hình sự. D. Hiến pháp.

Câu 26: Trong các hành vi sau, hành vi nào là vi phạm hình sự?

A. Không chấp hành tín hiệu giao thông gây tai nạn. B.Gây rối trật tự nơi công cộng.

C. Hút thuốc lá. D. Trộm điện thoại Iphone.

Câu 27: Theo quy định của pháp luật, người đủ từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điểu khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ?

A. 30cm3 trở lên. B. 50cm3 trở lên. C. 60cm3 trở lên. D. 70cm3 trở lên.

Câu 28: Xe máy điện được quy định dùng cho người đủ bao nhiêu tuổi trở lên?

A. 12 tuổi trở lên. B. 14 tuổi trở lên. C. 16 tuổi trở lên. D. 18 tuổi trở lên.

Câu 29: Thực hiện Pháp luật là quá trình gồm bao nhiêu giai đoạn?

A. 2 giai đoạn. B. 3 giai đoạn. C. 4 giai đoạn. D. 5 giai đoạn.

Câu 30: Trong các hành vi sau đây, hành vi nào chịu trách nhiệm kỷ luật?

A. Cướp giật dây chuyền của người đi đường.

B. Xây nhà ở phần đất ruộng, chưa phải đất thổ cư.

C. Công trình xây dựng gây ồn ào và bụi đến khu vực xung quanh.

D. Sửa chữa hư hại trên đường không đặt biển báo

Câu 31: Trong các nghĩa vụ sau đây, nghĩa vụ nào không phải là nghĩa vụ pháp lý?

A. Người kinh doanh buôn bán phải có nghĩa vụ nộp thuế.

B. Thanh niên đủ 18 tuổi đi nghĩa vụ quân sự.

C. Học sinh phải nghiêm chỉnh chấp hành nội quy lớp học.

D. Con cái có nghĩa vụ phụng dưỡng cha mẹ.

Câu 32: Hãy xác định câu **sai** trong các nguyên tắc xử phạt hành chính về giao thông đường bộ

A. Mọi vi phạm hành chính về giao thông đường bộ phải được phát hiện kịp thời và phải đình chỉ ngay.

B.Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

C. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

D. Một vi phạm hành chính sẽ bị xử phạt nhiều lần.

Câu 33: Anh A rủ B đi ăn trộm máy tính trong khu tập thể, sau nhiều lần ăn trộm thành công thì bị phát hiện, theo em Công an sẽ xử lý như thế nào?

A. A bị vào tù còn B thì bị phạt tiền.

B. Cả A và B đều bị đi tù, riêng A sẽ nặng hơn.

C. Cảnh cáo, phạt tiền, thu hồi các máy tính bị trộm.

D. Phạt tiền, giáo dục, răn đe.

Câu 34: Quá trình thực hiện pháp luật chủ đạt hiệu quả khi các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật thực hiện?

A.Đúng đắn các quyền của mình theo Hiến pháp và pháp luật.

B. Đúng đắn các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hiến pháp và pháp luật.

C. Đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hiến pháp và pháp luật.

D. Đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo hiến pháp và pháp luật.

Câu 35: Người chưa thành niên, theo quy định của pháp luật là người chưa đủ?

A. 14 tuổi. B. 15 tuổi. C. 16 tuổi. D. 18 tuổi.

Câu 36: Lỗi vượt đèn đỏ dành cho xe mô tô và cả xe máy điện là bao nhiêu hiện nay?

A. Từ 100 - 300 nghìn đồng. B. Từ 100 - 400 nghìn đồng.

C. Từ 200 - 400 nghìn đồng. D. Từ 50 - 200 nghìn đồng.

Cây 37: Do xích mích, nhóm học sinh nữ (17 tuổi) đã dùng giày cao gót đánh vào mặt, tát, xỉ nhục, bắt bạn nữ quỳ gối, quay clip và tung lên mạng xã hội... vào một bạn nữ khác. Khiến bạn nữ phải nhập viện và bị ảnh hưởng nghiêm trọng về tâm lý. Theo em, nhóm học sinh ấy sẽ bị xử lý như thế nào khi đứng trước pháp luật?

A. Cảnh cáo, phạt tiền, bồi thường và xin lỗi bạn nữ sinh kia.

B. Chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

C.Nhắc nhở, răn đe trước trường, lớp.

D. Phạt tiền.

Câu 38: Cần có người đại diện khi tham gia vào các giao dịch dân sự là người ở độ tuổi nào?

A. Từ 6 - dưới 18 tuổi. B. Từ 6 - dưới 16 tuổi,

C. Từ 6 - dưới 15 tuổi. D. Từ 6 - dưới 14 tuổi.

Câu 39: Các hình thức thực hiện pháp luật bao gồm

A. Sử dụng pháp luật, thi hành pháp luật, áp dụng pháp luật và giải quyết pháp luật.

B. Sử dụng pháp luật, thi hành pháp luật, áp dụng pháp luật, vi phạm pháp luật.

C. Sử dụng pháp luật, thi hành pháp luật, tuân thủ pháp luật, áp dụng pháp luật

D. Sử dụng pháp luật, thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật, tuân thủ pháp luật.

Câu 40: Theo luật Giao thông đường bộ hiện hành, người tham gia giao thông không có giấy phép lái xe bị phạt từ?

A. 800.000 - 1.200.000 đổng. B. 1.000.000 - 1.200.000 đổng,

C. 1.000.000 - 2.000.000 đông. D.500.000 - 800.000 đổng.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 3** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018**  **Môn: GDCD**  *Thời gian: 50 phút* |

Câu 1: Việc cộng điểm thi tốt nghiệp và đại học, cao đẳng theo khu vực thể hiện điều gì?

A. Sự thiên vị dành cho các vùng miền khác nhau. B. Sự bình đẳng.

C. Sự tôn trọng khi chênh lệch vùng miền.

D. Sự thoải mái trong tâm lý của người dân ở các vùng miền khác nhau.

Câu 2: Tại sao mọi công dân cần phải được bình đẳng trước pháp luật?

A. Vì Bác Hồ nói như vậy. B. Vì mọi công dân đều như nhau.

C. Vì Nhà nước yêu cầu như vậy.

D. Vì chỉ có bình đẳng trước pháp luật thì xã hội mới phát triển theo hướng tiến bộ và văn minh hơn.

Câu 3: Quyền và nghĩa vụ của công dân được Nhà nước quy định trong:

A. Hiến pháp. B. Hiến pháp và luật. C. Luật Hiến pháp. D. Luật và chính sách.

Câu 4: Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ vi phạm như nhau, trong một hoàn cảnh như nhau thì đều phải chịu trách nhiệm pháp lí

A. như nhau. B. ngang nhau. **C.** bằng nhau D. có thể khác nhau.

Câu 5: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi:

A. dân tộc, giới tính, tôn giáo. B. thu nhập, tuổi tác, địa vị.

**C.** dân tộc, địa vị, giới tính, tôn giáo. D. dân tộc, độ tuổi, giới tính.

Câu 6: Học tập là một trong những ?

A. Nghĩa vụ của công dân. B. Quyền của công dân.

**C.** Trách nhiệm của công dân. D. Quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 7: Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là ?

A. Công dân ở bất kỳ độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.

B. Công dân nào vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị, đều phải chịu trách nhiệm kỷ luật.

C. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật.

D. Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Câu 8: Công dân bình đẳng trước pháp luật là

A. công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau nếu cùng giới tính, dân tộc, tôn giáo.

B.công dân có quyền và nghĩa vụ giống nhau tùy theo địa bàn sinh sống.

**C.** công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của đơn vị, tổ chức, đoàn thể mà họ tham gia.

D. công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

Câu 9: Việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật là trách nhiệm của

A. Nhà nước. B. Nhà nước và xã hội.

**C.** Nhà nước và pháp luật. D. Nhà nước và công dân.

Câu 10: Những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân sẽ bị Nhà nước:

A. ngăn chặn, xử lí. B. xử lí nghiêm minh.

C. xử líthật nặng. D. xử lí nghiêm khắc.

Câu 11: Nội dung nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình?

A. Cùng đóng góp công sức để duy trì đời sống phù hợp với khả năng của mình.

B. Tự do lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình.

C.Thực hiện đúng các giao kết trong hợp đồng lao động.

D. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động.

Câu 12: Điều nào sau đây không phải là mục dích của hôn nhân

A. xây dựng gia đình hạnh phúc.

B. củng cố tình yêu lứa đôi.  
**C.** tổ chức đời sống vật chất của gia đình.

D. thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân đối với đất nước.

Câu 13: Bình bẳng trong quan hệ vợ chổng được thể hiện qua quan hệ nào sau đây?

A. Quan hệ vợ chồng và quan hệ giữa vợ chồng với họ hàng nội, ngoại.

B. Quan hệ gia đình và quan hệ xã hội.  
C.Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.

D. Quan hệ hôn nhân và quan hệ quyết thống.

Câu 14: Nội dung nào sau đây thể hiện sự bình đẳng giữa anh chị em trong gia đình:

A. đùm bọc, nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ.

B. không phân biệt đối xử giữa các anh chị em.  
C.yêu quý kính trọng ông bà cha mẹ.  
D. Sống mẫu mực và noi gương tốt cho nhau.

Câu 15: Mối quan hệ trong gia đình bao gồm những mội quan hệ cơ bản nào?

A. Quan hệ vợ chồng và quan hệ giữa vợ chồng với họ hàng nội, ngoại.

B. Quan hệ gia đình và quan hệ xã hội.  
C.Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.

D. Quan hệ hôn nhân và quan hệ quyết thống.

Câu 16: Biểu hiện của bình đẳng trong hôn nhân là:

A. người chồng phải giữ vai trò chính trong đóng góp về kinh tế và quyết định công việc lớn trong gia đình.

B. công việc của người vợ là nội trợ gia đình và chăm sóc con cái, quyết định các khoản chi tiêu hàng ngày của gia đình.

C. Vợ, chồng cùng bàn bạc, tôn trọng ý kiến của nhau trong việc quyết định các công việc của gia đình. D. Chỉ có người chồng mới có quyền lựa chọn nơi cư trú, quyết định số con và thời gian sinh con..

Câu 17: Biểu hiện của bình đẳng trong hôn nhân là:

A. Chỉ có người vợ mới có nghĩa vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và giáo dục con cái.

B. Chỉ có người chồng mới có quyền lựa chọn nơi cư trú, quyết định số con và thời gian sinh con.

C. Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.

D. người chồng phải giữ vai trò chính trong đóng góp về kinh tế và quyết định công việc lớn trong gia đình.

Câu 18: Thời gian làm việc của người cao tuổi được quy định trong luật lao động là:

A. không được quá 4 giờ một ngày hoặc 24 giờ một tuần.

B. không được quá 5 giờ một ngày hoặc 30 giờ một tuần.

C. không được quá 6 giờ một ngày hoặc 24 giờ một tuần.

D. không được quá 7 giờ một ngày hoặc 42 giờ một tuần.

Câu 19: Nội dung nào sau đây thể hiện bình đẳng trong lao động?

A. Cùng thực hiện đúng nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

B. Tự do lựa chọn các hình thức kinh doanh.

C. Có cơ hội như nhau trong tiếp cận việc làm.

D. Tự chủ trong kinh doanh để nâng cao hiệu quả cạnh tranh.

Câu 20: Chủ thể của hợp đồng lao động là:

A. người lao động và đại diện người lao động. B. người lao động và người sử dụng lao động.

C. đại diện người sử dụng lao động. D. đại diện người lao động và người sử dụng lao động.

Câu 21: Đối với lao động nữ, người sử dụng lao động có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi người lao động nữ

A. kết hôn. B.nghỉ việc không lí do.

C. nuôi con dưới 12 tháng tuổi. D. có thai.

Câu 22: Mục đích quan trọng nhất của hoạt động kinh doanh là

A. tiêu thụ sản phẩm. B. tạo ra lợi nhuận.

C. nâng cao chất lượng sản phẩm. D. giảm giá thành sản phẩm.

Câu 23: Chính sách quan trọng nhất của Nhà nước góp phần thúc đẩy việc kinh doanh phát triển

A. hổ trợ vốn cho các doanh nghiệp. B. khuyến khích người dân tiêu dùng.

C. tạo ra môi trường kinh doanh tự do, bình đẳng. D. xúc tiến các hoạt động thương mại.

Câu 24: Nội dung nào sau đây không phản ánh sự bình đẳng trong kinh doanh:

A. tự do lựa chọn ngành nghề, địa điểm kinh doanh. B. thực hiện quyền và nghĩa vụ trong sản xuất.

C.chủ động mở rộng ngành nghề kinh doanh. D. xúc tiến các hoạt động thương mại.

Câu 25: Việc cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước được cụ thể hóa qua văn bản luật nào sau đây?

A. Luật Lao động. B. Luật Thuế thu nhập cá nhân.

C. Luật Dân sự. D. Luật Sở hữu trí tuệ.

Câu 26. Hôn nhân được bắt đầu bằng một sự kiện pháp lí là:

A. Thành hôn. B. Gia đình. c. Lễ cưới. D. Kết hôn.

Câu 27. Theo quy định của Bộ luật Lao động, người lao động ít nhất phải đủ:

A. 18 tuổi. B. 15 tuổi. C. 14 tuổi. D. 16 tuổi.

Câu 28: Loại hợp đồng nào phổ biến nhất trong sinh hoạt hàng ngày của công dân?

A. Hợp đồng mua bán. B. Hợp đồng lao động,

C. Hợp đồng dân sự D. Hợp đồng vay mượn.

Câu 29: Quyền bình đẳng trong kinh doanh được quy định tại đâu?

A. Hiến pháp. B. Luật dân sự.

C. Các văn bản quy phạm pháp luật khác. D. Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Câu 30: Theo em, kết hôn giả tạo là gì?

A. Vợ chồng kết hôn với nhau nhưng không có tình yêu.

B. Kết hôn với nhau thông qua hợp đồng hôn nhân.

C. Lợi dụng kết hôn mà không nhằm mục đích xây dựng gia đình.

D. Sống thử với nhau.

Câu 31: Theo em, Ly hôn giả tạo là gì?

A. Ly hôn nhằm mục đích trốn tránh một số những trách nhiệm mà bản thân phải thực hiện.

B. Ly hôn sau khi hết hợp đồng hôn nhân.

C. Sống thử với nhau khi chưa đăng kỷ kết hôn và bỏ nhau cũng không có một chút trách nhiệm  
gì với nhau.

D. Ly hôn sau đó lại kết hôn lại lần hai.

Câu 32: “cấp dưỡng' có nghĩa là gì?

A. Số tiền hàng tháng mà con cái có nghĩa vụ phải chu cấp cho bố mẹ già sinh sống.

B. Công sức bố mẹ nuôi dưỡng con cái.

C.Số tiền mà bố mẹ nuôi con ăn học tính đến năm con 18 tuổi.

D. Số tiền mà bố hoặc mẹ phải chu cấp để nuôi con khi ly hôn xảy ra.

**Câu** 33: Chồng không có quyền ly hôn trong trường hợp nào dưới đây?

A. Khi người vợ không đồng ý ly hôn và chưa ký tên vào đơn ly hôn.

B. Khi người vợ đang mang thai và sinh con dưới 12 tháng tuổi.

C. Khi người vợ đang mang thai.

D. Khi người vợ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Câu 34: Theo quy định của pháp luật cha dượng có trách nhiệm như thế nào đối với con riêng của vợ?

A. Trách nhiệm ít hơn so với cha đẻ của đứa trẻ.

B. Trách nhiệm như cha đẻ của đứa trẻ.

C. Trách nhiệm ít hơn so với những đứa con đẻ của người cha đó.

D. Trách nhiệm nhiều hơn cha đẻ của đứa trẻ.

**Câu** 35: Nội dung nào sau đây thể hiện sự bình đẳng trong lao động?

A. Cả vợ và chông đều có trách nhiệm lao động để nuôi dạy con cái.

B. Lao động nữ có quyền được hưởng chế độ thai sản.

C. Anh chị em trong gia đình có bổn phận yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau.

D. Khi sử dụng lao động các doanh nghiệp cần đảm bảo sự an toàn cho người lao động.

Câu 36: Nội dung nào sau đây thể hiện sự bình đẳng giữa vợ và chồng?

A. Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con trong gia đình.

B. Cha mẹ không được ép buộc con làm những việc trái pháp luật

C.Con cái có nghĩa vụ phải chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ

D. Vợ chồng có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.

**Câu** 37. Nội dung nào sau đây thể hiện sự bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

A. Vợ hay chồng vi phạm pháp luật thì đểu bị xử lý như nhau trước pháp luật.

B. Ông bà có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con cháu.

C.Nhà nước xử lý kịp thời, nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật.

D. Cả vợ và chồng đểu bình đẳng trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp với bản thân.

**Câu** 38. Nội dung nào sau đây thể hiện sự bất bình đẳng trong lao động?

A. Công ty X tăng ca cho người lao động trong công ty.

B. Công ty Y sa thải nhân viên vì đã nghỉ việc quá nhiều.

C. Công ty z yêu cầu lao động nữ làm việc nặng nhọc.

D. Công ty M chỉ tuyển nhân viên nam không tuyển nhân viên nữ

**Câu** 39: Nội dung nào sau đây thể hiện sự bỉnh đẳng trong kinh doanh?

A. Các doanh nghiệp có trách nhiệm trong việc đảm bảo môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

B.Các doanh nghiệp ký kết hợp đổng.

C. Các doanh nghiệp tuyển dụng nhân viên.

D. Các doanh nghiệp tuyên dương và khen thưởng nhân viên xuất sắc.

Câu 40: Nội dung nào sau đây thể hiện sự bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ?

A. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn.

B. Nam, nữ có quyền nuôi dưỡng bố mẹ.

C. Nam, nữ có quyền thành lập công ty.

D. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 4** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018**  **Môn: GDCD**  *Thời gian: 50 phút* |

Cây 1: Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay có bao nhiêu dân tộc?

A. 54 dân tộc. B. 55 dân tộc. C. 56 dân tộc. D. 57 dân tộc.

Câu 2: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong một quốc gia được hiểu là như thế nào?

A. Không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ vản hóa... đểu được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.

B. Những dân tộc có số dân đông hơn thì sẽ được ưu tiên phát triển nhiều hơn.

C. Những dân tộc nghèo nàn thì ít được Nhà nước quan tâm hổ trơ hơn.

D. Không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ vản hóa... đều được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và miễn tội khi có vi phạm.

Câu 3: Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác, giao lưu giữa các dân tộc là gì?

A. Hợp tác cùng có lợi. B. Đoàn kết giữa các dân tộc.

C. Tôn trọng lợi ích của các dân tộc thiểu số. D. Bình đẳng.

Câu 4: Dân tộc được hiểu theo nghĩa là

A. một cộng đồng có chung lãnh thổ. B. một bộ phận dân cư của một quốc gia.

C. một dân tộc thiểu số. D. một dân tộc ít người.

Câu 5: Yếu tố quan trọng để phân biệt sự khác nhau giữa tín ngưỡng với mê tín dị đoan là

A. niềm tin. B. nguồn gốc.

C. nghi lễ. D. hậu quả xấu để lại.

Câu 6: Hành vi nào sau đây thể hiện tín ngưỡng?

A. Thắp hương trước lúc đi xa. B. Yếm bùa.

C. Không ăn trứng trước khi đi thi. D. Xem bói.

Câu 7: Khẩu hiệu nào sau đây phản ánh không đúng trách nhiệm của công dân có tín ngưỡng, tôn giáo đối với đạo pháp và đất nước?

A. Buôn thần bán thánh. B. Tốt đời đẹp đạo.

C. Kính chúa yêu nước. D. Đạo pháp dân tộc.

Câu 8: Bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là:

A. Công dân có quyền không theo bất kì tôn giáo nào.

B. Người đã theo tín ngưỡng, tôn giáo không có quyền bỏ mà theo tín ngưỡng, tôn giáo khác.

C. Người theo tín ngưỡng, tôn giáo có quyền tham gia hoạt động tín ngưỡng tôn giáo đó.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 9. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là:

A. Các dân tộc được Nhà nước và pháp luật tôn trọng.

B. Các dân tộc được Nhà nước và pháp luật bảo vệ.

C. Các dân tộc được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và pháp luật tạo điểu kiện phát triển.

D. Các dân tộc được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ.

Câu 10. Tôn giáo được biểu hiện:

A. qua các đạo khác nhau. B. qua các tín ngưỡng,

C. qua các hình thức tín ngưỡng có tổ chức. D. qua các hình thức lễ nghi.

Câu 11: Điều nào sau đây thể hiện sự bất bình đẳng giữa các dân tộc?

A. Tất cả mọi người dân đủ điều kiện trong nước Việt Nam đều được đi bầu cử.

B. Tất cả các em học sinh đi học đều phải đóng học phí như nhau.

C. Tất cả mọi người dân đều được Nhà nước tạo điều kiện để được đi học.

D. Cộng điểm thi tốt nghiệp cho học sinh vùng dân tộc và miền núi.

Câu 12: Điều nào sau đây thể hiện sự bất bình đẳng giữa các tôn giáo?

A. Đa số người dân Việt Nam theo đạo phật.

B. Dù theo bất cứ tôn giáo nào, bạn cũng sẽ được ứng cử trong các đợt bẩu cử.

C. Tất cả các gia đình đều phải có bàn thờ tổ tiên

D. Các tôn giáo ít người cũng được tôn trọng như tôn giáo nhiều người

Câu 13: Mục đích của việc bình đẳng giữa các tôn giáo?

A. Tăng tinh thần đoàn kết dân tộc.

B. Giúp cho các tôn giáo ít người trở nên đông người hơn.

C. Thúc đẩy kinh tế phát triển.

D. Tăng tinh thẩn đoàn kết giữa các dân tộc thiểu số.

Câu 14: Điều nào dưới đây thể hiện sự bất bình đẳng giữa các dân tộc?

A. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình.

B. Các dân tộc có quyền giữ gìn bản sắc dân tộc của mình.

C. Các dân tộc thiểu số có quyền duy trì mọi phong tục, tập quán riêng của mình.

D. Người dân tộc thiểu số được hưởng chính sách ưu tiên trong giáo dục và đào tạo.

Câu 15: Nội dung chính sách pháp luật nào dưới đây nói về quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

A. Tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số duy trì mọi phong tục, tập quán riêng.

B. Xóa bỏ những nét văn hóa cổ hủ, lạc hậu của dân tộc.

C. Nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

D. Phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Câu 16: Trong hoạt động ngoại khóa của một trường Dân tộc nội trú. Học sinh được khuyến khích mặc những bộ trang phục đặc sắc của dân tộc mình để hát, múa, biểu diễn những tác phẩm nghệ thuật mang đậm nét văn hóa của dân tộc mình. Điều này thể hiện?

A. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

B. Bản sắc dân tộc, không thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc.  
C. Chủ trương khuyến khích văn hóa, văn nghệ.

D. Sự độc quyền của một dân tộc.

Câu 17: Chính sách khuyến khích giáo viên ở đồng bằng lên miền núi dạy học nhằm mục đích gì?

A. Giúp các giáo viên đồng bằng tăng thêm thu nhập.

B. Tạo điều kiện để nâng cao tri thức cho nhân dân tại các vùng có trình độ dân trí chưa cao.  
C. Các dân tộc miền núi đoàn kết với nhau hơn.

D. Xóa đói, giảm nghèo cho các vùng dân tộc thiểu số.

Câu 18: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể có nghĩa là:

A. Trong mọi trường hợp, không ai có thể bị bắt.

B. Công an có thể bắt người nếu nghi là phạm tội.

C. Chỉ được bắt người khi có lệnh bắt người của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

D. Trong mọi trường hợp, chỉ được bắt người khi có quyết định của tòa án.

Câu 19: Các quyển tự do cơ bản của công dân là các quyền được ghi nhận trong Hiến pháp và luật,  
quy định mối quan hệ giữa:

A. Công dân với công dân. B, Nhà nước với công dân.

C. A và B đều đúng. D. A và B đểu sai

Câu 20: Bắt người trong trường hợp khẩn cấp được tiến hành:

A. Khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc  
tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

B. Khi có người chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét  
thấy cần bắt ngay để người đó không trốn.

C.Khi thấy ở người hoặc tại chỗ ở của một người nào đó có dấu vết của tội phạm và xét thấy cẩn  
ngăn chặn ngay việc người đó trốn.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 21: Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là:

A. Nhằm ngăn chặn hành vi tùy tiện bắt giữ người trái với quy định của pháp luật.

B. Nhằm bảo vệ sức khỏe cho công dân.

C. Nhằm ngăn chặn hành vi bạo lực giữa công dân với nhau.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 22: Bất kỳ ai cũng có quyền bắt và giải ngay đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc ủy ban nhân dân nơi gần nhất những người thuộc đối tượng:

A. Đang thực hiện tội phạm. B. Sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt.  
C. Đang bị truy nã. D. Tất cả các đối tượng trên.

Câu 23: Người nào bịa đặt những điều nhằm xúc phạm đến danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác thì bị:

A. Phạt cảnh cáo. B. Cải tạo không giam giữ đến hai năm.  
C. Phạt tù từ ba tháng đến hai năm. D. Tùy theo hậu quả mà áp dụng một trong các trường hợp trên.

Câu 24: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể có nghĩa là:

A. Chỉ được bắt người khi có lệnh bắt người của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

B. Việc bắt người phải theo quy định của pháp luật.

C. Người đang phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì ai cũng có quyền bắt.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 25: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở có nghĩa là:

A. Trong mọi trường hợp, không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.

B. Công an có quyền khám chỗ ở của một người khi có dấu hiệu nghi vấn ở nơi đó có phương tiện, công cụ thực hiện tội phạm.

C. Chỉ được khám xét chổ ở của một người khi được pháp luật cho phép và phải có lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyển.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 26: Nghi ngờ ông A lấy tiền của mình ông B cùng con trai tự ý vào nhà ông A khám xét, hành vi này xâm phạm quyển nào sau đây?

A. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể. B. Quyền nhân thân của công dân.  
C. Quyền bí mật thư tìn, điện thoại, điện tín. D. Quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân.

Câu 27: Trong lúc A dang bận việc riêng thì có tin nhắn, T đã tự ý mở điện thoại của T ra xem tin nhắn, hành vi này xâm phạm quyền gì của công dân?

A. Quyền bất khả xâm phạm vể thân thể. B. Quyền nhân thân của công dân.

C. Quyền bí mật thư tin, điện thoại, điện tín. D. Quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân.

Câu 28: Nhận định nào sau đây SAI?

A. Tự tiện bắt và giam giữ người là hành vi trái pháp luật.

B. Bắt và giam, giữ người trái pháp luật là xâm phạm quyền bất khả xâm phạm vể thân thể của công dân

C. Không ai được bắt và giam giữ người.

D. Bắt và giam giữ người trái phép sẽ bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Câu 29: Nhận định nào sau đây ĐÚNG?

Khi có người là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần bắt ngay để người đó không trốn được

A. chính mắt trông thấy B. xác nhận đúng.

C. chứng kiến nói lại. D. Nghe kể lại.

Câu 30: Nhận định nào SAI: Phạm tội quả tang là người:

A. Đang thực hiện tội phạm. B. Ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện.

C. Ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị đuổi bắt. D. Chuẩn bị thực hiện tội phạm thì bị phát hiện.

Câu 31: Ai cũng có quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã và giải ngay đến cơ quan

A. Công an. B. Viện kiểm sát.

C. Uỷ ban nhân dân gần nhất. D. Tất cả đểu đúng.

Câu 32: “Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân là một trong những quyển tự do cá nhân quan trọng nhất, liên quan đến quyển được sống trong tự do của con người, liên quan đến hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong mối quan hệ với công dân. là một nội dung thuộc?

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 33: “Tự tiện bắt và giam, giữ người là hành vi trái pháp luật sẽ bị xử lý nghiêm minh” là một nội dung thuộc:

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 34: “Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang” là một nội dung thuộc:

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 35: “Pháp luật qui định rõ các trường hợp và cơ quan thẩm quyền bắt, giam, giữ người” là một nội dung thuộc:

A. Bình đẳng về quyển bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 36: “Pháp luật qui định vê' quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân nhằm ngăn chặn mọi hành vi tuỳ tiện bắt giữ người trái với qui định của pháp luật” là một nội dung thuộc:

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của cống dân.

D. Ý nghĩa quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 37: “Trên cơ sở pháp luật, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải tôn trọng và bảo vệ quyền bất khả xâm phạm về thân thể của cá nhân, coi đó là quyền bảo vệ con người - quyền công dân trong một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” là một nội dung thuộc:

A. Bình đẳng về quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

B. Khái niệm quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

C. Nội dung quyền bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

D. Ý nghĩa quyển bất khả xâm phạm thân thể của công dân.

Câu 38: “Tính mạng và sức khoẻ của con người được bảo đảm an toàn, không ai có quyển xâm phạm tới.” là một nội dung thuộc:

A. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

B. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ vê' tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

C. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

D. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

Câu 39: “Công dân có quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.” là một nội dung thuộc:

A. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

B. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

C. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

D. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

Câu 40: “Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm của người khác.” là một nội dung thuộc

A. Ý nghĩa về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

B. Nội dung về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

C. Khái niệm về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

D. Bình đẳng về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 5** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018**  **Môn: GDCD**  *Thời gian: 50 phút* |

Câu 1: Nhà nước bảo đảm cho công dân thực hiện tốt quyển bầu cử và ứng cử cũng chính là:

A. Bảo đảm thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

B. Bảo đảm thực hiện quyền được pháp luật bảo hộ về nhân phẩm, danh dự của công dân.

C. Bảo đảm thực hiện quyền công dân, quyền con người trên thực tế.

D. Bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân.

Câu 2: Quyền bẩu cử và quyển ứng cử là cơ sở pháp lý - chính trị quan trọng để

A. Thực hiện cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

B. Nhân dân thực hiện hình thức dân chủ trực tiếp.

C. Đại biểu của nhân dân chịu sự giám sát của cử tri.

D. Hình thành các cơ quan quyền lực Nhà nước, để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình.

Câu 3: Quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội là quyền của công dân tham gia:

A. Thảo luận vào các công việc chung của đất nước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

B. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước vể xây dựng bộ máy Nhà nước.

C. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước xây dựng, phát triển lành tế - xã hội.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 4: Ở Phạm vi cơ sở, dân chủ trực tiếp được thực hiện theo cơ chế:

A. Phổ thông, bình đẳng, trực tiếp. B. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

C. Trực tiếp, thẳng thắn, thực tế. D. Tất cả phương án trên.

Câu 5: Hiến pháp 1992 quy định mọi công dân

A. đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và ứng cử. B. đủ 21 tuổi trở lên có quyển bầu cử và ứng cử.

C. từ 18 đến 21 tuổi có quyền bầu cử và ứng cử. D. đủ 18 tuổi có quyền bầu cử, đủ 21 tuổi có quyển ứng cử.

Câu 6: Nhận định nào sai: Dân được hưởng quyền bầu cử và ứng cử một cách bình đẳng, không phân biệt

A. giới tính, dân tộc, tôn giáo. B. tình trạng pháp lý.

C. trình độ văn hoá, nghề nghiệp. D. thời hạn cư trú nơi thực hiện quyển bầu cử, ứng cử.

Câu 7: Nhận định nào sai khi xác định người không được thực hiện quyền ứng cử?

A. Người bị khởi tố dân sự.

B. Người đang chấp hành quyết định hình sự của Toà án.

C. Ngưòi đang bị xử lý hành chính về giáo dục tại địa phương.

D. Người đã chấp hành xong bản án hình sự nhưng chưa được xoá án.

Câu 8: Nhận định nào sai: Người không được thực hiện quyền bầu cử là người?

A. Người đang chấp hành hình phạt tù. B. Người đang bị tạm giam.

C. Người bị tước quyền bầu cử theo bản án của Toà án. D. Người mất năng lực hành vi dân sự.

Câu 9: Nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc bầu cử

A. Phổ thông. B. Bình đẳng. C. Công khai. D. Trực tiếp.

Câu 10: Quyền ứng cử của công dân có thể thực hiện bằng

A. 1 con đường duy nhất. B. 2 con đường,

C. 3 con đường. D. 4 con đường.

Câu 11: Ở phạm vi cơ sở, kiểm sát việc khiếu nại, tố cáo của công dân là

A. những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.

D. những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 12: Ở phạm vi cơ sở, các đề án định canh, định cư, giải phóng mặt bằng, tái định cư... là

A. những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.

D. những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 13: Ở phạm vi cơ sở, chủ trương và mức đóng góp xây dựng các công trình phúc lợi công cộng là

A. Những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. Những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. Những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.

D. Những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 14: Ở phạm vi cơ sở, xây dựng hương ước, qui ước... là.

A. những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.

D. những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Câu 15: Ở phạm vi cơ sở, kiểm sát dự toán và quyết toán ngân sách xã, phường là

A. những việc phải được thông báo để dân biết và thực hiện.

B. những việc dân bàn và quyết định trực tiếp.

C. những việc dân được thảo luận, tham gia ý kiến trước khi chính quyền xã, phường quyết định.

D. những việc nhân dân ở xã, phường giám sát, kiểm tra.

Cây 16: Về cơ bản, qui trình giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo.

A. 1 bước B. 2 bước c. 3 bước D. 4 bước

Câu 17: Quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội là quyền của ai dưới đây?

A. Quyền của tất cả mọi người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

B. Quyền của mọi công dân.

C. Quyền của công dân từ đủ 18 tuổi trở lên.

D. Quyền và trách nhiệm của riêng những người đứng đầu các cơ quan trong bộ máy Nhà nước.

Cây 18: Bổ nhiệm là gì?

A. Cử một người mới ra trường vào một chức vụ nào đó trong Nhà nước.

B. Cử một người trưởng thành vào một chức vụ nào đó trong Nhà nước.

C. Cử một người vào một chức vụ quan trọng.

D. Cử một người vào một chức vụ không quan trọng.

Cây 19: Bãi nhiệm là gì ?

A. Bãi bỏ một chức vụ. B. Bãi bỏ một nhiệm kỳ.

C. Bãi bỏ một người bình thường. D. Bãi bỏ một giám đốc.

Câu 20: Miễn nhiệm là gì?

A. Bãi bỏ một chức vụ và không được phép làm việc trong cơ quan nhà nước nữa.

B. Bãi bỏ một chức vụ và vẫn tiếp tục làm việc ở một vị trí khác trong cơ quan nhà nước.

C. Miễn cho người đó không phải bầu cử trong một nhiệm kỳ.

D. Miễn cho người đó không phải có trách nhiệm đóng thuế.

Câu 21: Người nào sau đây có quyền ‘khiếu nại’?

A. Mọi công dân, tổ chức biết về việc làm trái pháp luật gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước.

B. Người chứng kiến hành vi vi phạm pháp luật.

C. Người phát hiện hành vi phạm tội của một cá nhân nào đó.

D. Tổ chức bị ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp do quyết định trái pháp luật của cơ quan nhà nước gây ra.

Câu 22: Xã X có hai thôn A và thôn B. Theo kế hoạch của xã, hai thôn phải tiến hành xây dựng đường đi của thôn trong thời gian 5 năm bằng kinh phí do xã cấp 20% và do dân đóng góp 80%.

- Trưởng thôn A đã triệu tập cuộc họp toàn bộ các đại diện của các gia đình trong thôn để bàn bạc và quyết định việc thực hiện kế hoạch trên. Quyết định về việc đó đã được thông qua trên cơ sở quá bán tối đa (2/3 có mặt đồng ý).

- Trưởng thôn B chỉ triệu tập các trưởng xóm để bàn bạc và quyết định việc thực hiện kế hoạch của xã. Quyết định về việc đó đã được thông qua trên cơ sở nhất trí hoàn toàn (100% các trưởng xóm đồng ý).

A. Cả hai trường hợp trên đều sai. B. Trường hợp 1 đúng, 2 sai.

C. Trường hợp 1 sai, 2 đúng. D. Cả hai trường hợp trên đều đúng.

Câu 23: Những người được nhân dân bầu ra và nhận nhiệm vụ trong bộ máy Nhà nước được gọi là?

A. ứng viên. B. Cử tri.

C. Đại biểu nhân dân. D. ủy viên.

Câu 24: Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép việc thực hiện quyền bầu cử của công dân thì bị phạt nhiều nhất là?

A. Phạt tù 1 năm. B. Phạt tù 2 năm. C. Phạt tù 3 năm. D. Phạt tù 4 năm.

Câu 25: Người nào lợi dụng tự do báo chí xâm phạm lợi ích của người khác thì bị phạt tù nhiều nhất là?

A. Phạt tù 2 năm. B. Phạt tù 3 năm. C. Phạt tù 4 năm. D. Phạt tù 5 năm.

Câu 26: Quyền công tố là gì?

A. Là quyền mà các công dân được phép tố cáo người khác khi phát hiện các hành vi phạm tội.

B. Là quyền mà các Công tố viên có.

C. Là quyền của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền dùng để điều tra, truy tố và buộc tội kẻ phạm pháp.

D. Là quyền mà Thẩm phán có để kết tội và luận tội đối với các bị can, bị cáo.

Câu 27: Dự thảo Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam ra đời năm nào ?

A. Năm 1940 B. Năm 1945 c. Năm 1946 D. Năm 1969

Câu 28: Trong các trường hợp sau, trường hợp nào thể hiện quyền khiếu nại ?

A. Tham gia bầu cử đại biểu Hội đông nhân dân địa phương.

B. Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật.

C. Tố cáo người có hành vi trộm xe máy.

D. Yêu cầu nhà trường xem xét về quyết định thôi học của bạn A.

Câu 29: Chị H bị buộc thôi việc vì lý do có bầu. Chị nên sử dụng quyền gì để bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình ?

A. Quyền bầu cử B. Quyền ứng cử C. Quyền khiếu nại D. Quyền tố cáo

Câu 30: Tận mắt chứng kiến nhiều tên Lâm tặc phá rừng, bạn học sinh An nên sử dụng quyền gì để bảo vệ rừng?

A. Tham gia ứng cử để có được một vị trí nhất định trong bộ máy Nhà nước và tiêu diệt bọn lâm tặc.

B. Tố cáo hành vi trộm gỗ của lũ lâm tặc.

C. Khiếu nại hành vi trộm gỗ của lâm tặc với chính quyền.

D. Tham gia quản lý Nhà nước để ngăn chặn hành vi trộm gỗ của lâm.

Câu 31: Người nào dưới đây có quyển ứng cử ?

A. Công dân từ đủ 18 tuổi trở lên có đủ các điều kiện mà pháp luật quy định có thể được nhiều, nơi giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

B. Công dân có quyền tự mình ra ứng cử đại biểu Quốc hội ở nhiều nơi.

C. Công dân có đủ các điều kiện pháp luật quy định có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội ở nhiểu nơi.

D. Công dân từ đủ 21 tuổi trở lên, có đủ các điểu kiện pháp luật quy định có quyền ứng cử đại biểu quốc hội ở một nơi.

Câu 32: Vì lý do sức khỏe, những người ốm đau không thể tự đi bỏ phiếu bầu cử thì ?

A. Nhờ bất cứ ai đi bỏ phiếu hộ là được.

B. Bầu thông qua cách thức là gửi thư.

C. Tổ bẩu cử mang hòm phiếu đến tận nơi người ốm trực tiếp bỏ phiếu.

D. Nhờ người thân trong gia đình đi bỏ phiếu hộ.

Câu 33: Những người nào dưới đây có quyền khiếu nại ?

A. Mọi công dân đều có quyền khiếu nại. B. Mọi cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại.

C. Mọi công dân trên 18 tuổi. D. Mọi công dân trên 21 tuổi.

Câu 34: Những người nào dưới đây có quyền tố cáo?

A. Chỉ công dân mới có quyền tố cáo. B. Mọi cá nhân, tổ chức có quyền tố cáo.

C. Mọi công dân trên 18 tuổi. B. Mọi công dân trên 21 tuổi.

Câu 35: Người nào có quyền giải quyết khiếu nại ?

A. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. B. ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

C. Giám đốc công ty. D. Tòa án.

Câu 36: Người nào có quyền giải quyết tố cáo ?

A. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. B. ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

C. Giám đốc công ty. D. Tòa án.

Câu 37: Sau mỗi một đợt Tổng tuyển cử thì bầu ra tổ chức nào ?

A. Nhà nước. B. Quốc hội. C. Chủ tịch nước. D. Chính phủ.

Câu 38: Sau khi bầu ra Quốc hội thì Quốc hội sẽ cử ra tổ chức nào ?

A. Nhà nước. B. Quốc hội. C. Chủ tịch nước. D. Chính phủ.

Câu 39: Trên thế giới quốc gia nào có quy định về số tuổi đi bầu cử là cao nhất (21 tuổi) ?

A. Việt Nam. B. Trung Quốc. C. Iran. D. Singapo.

Câu 40: Trên thế giới quốc gia nào có quy định về số tuổi đi bẩu cử là thấp nhất(16 tuổi) ?

A. Việt Nam. B. Trung Quốc. C. Iran. D. Singapo.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 6** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018**  **Môn: GDCD**  *Thời gian: 50 phút* |

Cây 1: Ở nước ta, việc nhờ người thân trong gia đình đi bỏ phiếu hộ khi bầu cử đại biểu Quốc hội là vi phạm nguyên tắc bầu cử nào theo Luật Bầu cử?

A. Nguyên tắc bỏ phiếu kín. B. Nguyên tắc trực tiếp,

C. Nguyên tắc bình đẳng. D. Nguyên tắc phổ thông.

Câu 2: Bà Hiệp dựng xe đạp ở hè phố nhưng quên mang túi xách vào nhà. Quay trở ra không thấy túi xách đâu, bà Hiệp hoảng hốt vì trong túi có hơn 1 triệu đổng và một chiếc điện thoại di động. Bà Hiệp nghi cho Toán (13 tuổi) lấy trộm vì Toán đang chơi ở gần đó. Bà Hiệp đòi vào khám nhà Toán. Mặc dù Toán không đổng ý song bà Hiệp vẫn xông vào nhà lục soát. Hành vi của bà Hiệp đã vi phạm quyền nào sau đây?

A. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

B. Quyển được đảm bảo an toàn và bí mật riêng tư.

C. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.

D. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm.

Câu 3: Trong quá trình bầu cử, mỗi lá phiếu đểu có giá trị như nhau thể hiện nguyên tắc nào trong bầu cử?

A. Phổ thông. B. Bình đẳng. C. Trực tiếp. D. Bỏ phiếu kín.

Câu 4: Trong quy định của pháp luật về quyển tố cáo, đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật mà công dân có thể tố cáo là

A. Cá nhân. B. Tổ chức.

C. Cơ quan nhà nước. D. Bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

Câu 5: Công dân A tham gia góp ý vào dự thảo luật khi Nhà nước trưng cẩu dân ý, ta gọi công dân A đã thực hiện quyền dân chủ nào?

A. Quyển ứng cử. C. Quyền kiểm tra, giám sát.

B. Quyền đóng góp ý kiến. D. Quyển tham gia quản lí Nhà nước và xã hội.

Câu 6: Mục đích của quyền khiếu nại là nhằm... quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

A. Phục hổi. B. Bù đắp. C. Chia sẻ. D. Khôi phục.

Câu 7: Mục đích của quyền tố cáo nhằm.... các việc làm trái pháp luật, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, tổ chức và công dân.

A. phát hiện, ngăn ngừa. B. phát sinh,

C. Phát triển, ngăn chặn. D. phát hiện, ngăn chặn.

Câu 8: Anh A đề nghị thủ trưởng cơ quan xem xét lại quyết định cho thôi việc chúng ta nói anh A đang thực hiện quyển gì?

A. Quyển tố cáo. B. Quyển ứng cử. C. Quyền bãi nại. D. .......................

Câu 9:... là quyền của công dân được báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

Á. Quyền khiếu nại. B. Quyển bầu cử C. Quyển tố cáo. D. Quyển góp ý.

Câu 10: Ngày Doanh nhân Việt Nam là ngày

A. 13/8. B. 13/9. C. 13/10. D. 13/11.

Câu 11: Theo nguyên tắc nào thì mọi công dân từ đủ 18 tuổi trở lên đều được tham gia báu cử, trừ  
trường hợp đặc biệt bị pháp luật cấm.

A. trực tiếp. B. bình đẳng. C. phổ thông. D. bỏ phiếu kín.

Câu 12: Thuế Giá trị gia tăng còn được gọi là thuế

A. VAT B. VGA C. FTA D. WTO

Câu 13: Quyền sáng tạo của công dân được pháp luật quy định là:

A. Quyền được tự do thông tin. B. Quyền sở hữu công nghiệp,

C. Quyển tự do kinh doanh. D. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí.

Câu 14: Nếu hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm hình sự thì người giải quyết tố cáo là:

A. Người đứng đấu cơ quan, tổ chức, có thấm quyển quản lý người bị tố cáo.

B. Cơ quan tố tụng (điểu tra, kiểm sát, tòa án).

C. Người đứng đẩu cơ quan, tổ chức cấp trên của cơ quan, tổ chức có người bị tố cáo.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 15: Mục đích của tố cáo là :

A. Phát hiện, ngăn chặn việc làm trái pháp luật.

B. Khôi phục quyền và lợi ích của công dân.

C. Xâm hại đến quyển tự do công dân.

D. Khôi phục danh dự.

Câu 16: Quyển học tập của công dân được quy định ở đâu?

A. Trong Hiến pháp, Luật Giáo dục và trong các văn bản quy phạm pháp luật khác.

B. Trong Hiến pháp.

C. Trong Luật Giáo dục  
D. Trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Câu 17: Phổ cập là gì?

A. Phổ biến những bất cập cho mọi người. B. Làm cho rộng khắp, mọi người đểu biết,  
C. Giúp cho học sinh được học hết cấp phổ thông. D. Tất cả các phương án trên.

Câu 18: Quyển sở hữu trí tuệ là gì ?

A. Quyền sở hữu những tác phẩm thơ ca do con người sáng tạo ra.

B. Quyển sở hữu về những sản phẩm sáng tạo của bộ óc con người.

C. Quyển sở hữu những tác phẩm văn học mà con người sáng tạo ra.

D. Quyền sở hữu về những sản phẩm công nghiệp mà con người sáng tạo ra.

Câu 19: Quyển sở hữu công nghiệp là gì ?

A. Là quyển của tổ chức, cá nhân đối với các sản phẩm công nghiệp.

B. Là quyển của tổ chức, cá nhân đối với máy móc, trang thiết bị.

C. Là quyền của tổ chức, cá nhân đối với bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 20: Quyển học tập của công dân được hiểu như thế nào ?

A. Công dân có quyển học bất cứ ngành nghê' nào.

B. Công dân có quyển học không hạn chế.

C. Công dân có quyển học không hạn chế, học bất cứ ngành nghề nào, học bằng nhiều hình

thức, học thường xuyên, suốt đời.

D. Công dân có quyển học thường xuyên, suốt đời.

Câu 21: quyền được phát triển của công dân có nghĩa là:

A. Công dân không được sống trong môi trường xã hội có lợi cho sự tổn tại và phát triển toàn

diện.

B. Công dân được sống trong môi trường tự nhiên có lợi cho sự tổn tại và phát triển toàn

diện.

C. Công dân được hưởng đời sống vật chất và tinh thẩn đẩy đủ để phát triển toàn diện;

được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài nảng.

D. Công dân có quyền được khuyến khích, bổi dưỡng để phát triển tài năng.

Câu 22: Khẳng định nào dưới đây là đúng về quyền học tập của công dân ?

A. Mọi công dân đểu có quyền học đại học và sau đại học.

B. Mọi công dân đều được ưu tiên trong tuyển chọn vào các trường đại học, cao đẳng

như nhau,

C. Công dân có thể học bất cứ ngành, nghề nào phù hợp với khả năng và điều kiện của mình.

D. Mọi công dân đểu phải đóng học phí.

Câu 23: Để thực hiện quyền học tập, sáng tạo và phát triển; công dân cẩn phải làm gì?

Ả. Có ý thức học tập tốt để có kiến thức. B. Cẩn xin lên lớp chọn để học.

C. Cần đi du học ở nước ngoài mới phát triển hết tài năng của mình.

D. Cẩn học trong môi trường có đẩy đủ điều kiện về vật chất.

Câu 24: Điều nào dười đây không phải là hoạt động nghiên cứu khoa học?

A. Hoạt động phát hiện, tìm tòi các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy.

B. Hoạt động sáng tạo các giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn,

C. Hoạt động phát minh ra bẫy chuột.

D. Hoạt động tìm ra giải pháp cải thiện tình trạng bạo lực học đường.

Câu 25: Nội dung nào dưới đây là sai về quyền sáng tạo của công dân ?

A. Quyển tự do ngôn luận, tự do báo chí. B. Quyền tác giả.

C. Quyển sở hữu công nghiệp. D. Quyền hoạt động khoa học, công nghệ.

Câu 26: Câu ca dao tục ngữ nào sau đây thể hiện khát khao học tập của con người Việt Nam ?

A. Học một biết mười. B. Học, học nữa, học mãi.

C. Học đi đôi với hành. D. Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Câu 27: Gia đình nhà An rất nghèo, bố mẹ An đã cố gắng làm lụng để nuôi các con khôn lớn. Nhưng dù có làm lụng bao nhiêu, cố gắng bao nhiêu thì bố mẹ An cũng không đủ tiền để cho 3 con vào học cấp 3. Như vậy bố mẹ An có vi phạm gì không ?

A. Vi phạm pháp luật vì không cho con đi học cấp 3.

B. Vi phạm đạo đức vì đã không hết mình cố gắng vì các con để cho các con được bằng bạn bè.

C. Vi phạm quyền được học tập, sáng tạo và phát triển của các con.

D. Không vi phạm gì cả.

Câu 28: Nhờ có quyển học tập, sáng tạo và phát triển mà con người

A. Cảm thấy vui vẻ và hạnh phúc hơn.

B. Sẵn sàng hi sinh cho đất nước, cho Tổ quốc Việt Nam.

C. Kinh tế Việt Nam đi lên hơn rất nhiều.

D. Luôn có đủ các điều kiện để phấn đấu, vươn lên và phát triển toàn diện hơn.

Câu 29: Nhà nước luôn có những ưu đãi dành cho các học sinh và sinh viên giỏi, điểu này thể hiện cái gì ?

A. Trách nhiệm của Nhà nước. B. Sự thiếu công bằng của Nhà nước,

C. Sự yêu thương của Nhà nước. Do Sự bao dung của Nhà nước.

Câu 30: Đâu không phải là ưu đãi của Nhà nước dành cho học sinh giỏi ?

A. Cấp học bổng cho học sinh giỏi. B. Cho học sinh giỏi được vay vốn.

C. Miễn học phí cho sinh viên thủ khoa. D. Giảm học phí cho học sinh nghèo

Câu 31: Quyển nghiên cứu khoa học dành cho đối tượng nào dưới đây ?

A. Sinh viên. B. Học sinh Trung học phổ thông,

C. Cả hai phương án trên đều đúng. D. Cả hai phương án trên đều sai.

Câu 32: Câu ca dao, tục ngữ nào dưới đây thể hiện sự chăm chỉ, miệt mài trong học tập ?

A. Học đề làm người. B. Học hành vất vả, kết quả ngọt bùi.

C. Học khôn đến chết, học nết đến già. D. Học ăn, học nói, học gói, học mở.

Câu 33: Câu ca dao tục ngữ nào dưới đây thể hiện việc học tập giúp con người trưởng thành hơn rất nhiều so với việc không học?

A. Ngọc kia chẳng giũa, chẳng mài; cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi.

B. Học khôn đến chết, học nết đến già.

C. Học hành vất vả, kết quả ngọt bùi.

D. Ăn vóc học hay.

Câu 34: Trong các sản phẩm sau thì sản phẩm nào không nằm trong quyển sáng tạo *cM* công dân ?

A. Các tác phẩm báo chí. B. Các nhãn hiệu hàng hóa.

C. Các tác phẩm nghệ thuật. D. Các tác phẩm yêu thích.

Câu 35: Ngày Khoa học và công nghệ Việt nam là ngày nào?

A. 17 tháng 5 B. 18 tháng 5 C. 19 tháng 5 D. 20 tháng 5

Câu 36: Trong quyền được phát triển, pháp luật nước ta quy định trường hợp đặc biệt nào dưới đây?

A. Trẻ em khuyết tật thì học trường riêng.

B. Trẻ em vùng sâu vùng xa thì được hỗ trợ kinh tế để có thể tiếp tục đi học.

C. Tất cả mọi người đểu được học hết lớp 12.

D. Những người phát triển sớm về trí tuệ có quyền được học trước tuổi.

Câu 37: Nhãn hiệu là gì?

A. Là dấu hiệu để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân khác nhau.

B. Là dấu hiệu để phân biệt hàng hóa, dịch vụ, con người của tổ chức, cá nhân khác nhau,

C. Là dẫu hiệu để phân biệt hàng hóa, dịch vụ, công việc của tổ chức, cá nhân khác nhau.

D. Cả ba phương án trên.

Câu 38: Tác phẩm là gì ?

A. Là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, kỹ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kì phương tiện hay hình thức nào.

B. Là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kì phương tiện hay hình thức nào.

C. Là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học và nghệ thuật thể hiện bằng bất kì phương tiện hay hình thức nào.

D. Cả ba phương án trên.

Câu 39: Học tập là gì của công dân ?

A. Quyển của công dân. B. Nghĩa vụ của công dân.

C. Là quyền và nghĩa vụ của công dân. D. Cả ba phương án trên đều sai.

Câu 40: Nhà nước đảm bảo quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân bằng cách ?

A. Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục. B. Nhà nước thực hiện chính sách ưu tiên,

C. Nhà nước thu học phí. D. Nhà nước khen thưởng học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 7** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018**  **Môn: GDCD**  *Thời gian: 50 phút* |

Câu 1: Khung pháp lý còn được gọi là?

A. Khuôn khổ pháp luật. B. Khuôn khổ pháp lý.

C. Hành lang pháp luật. D. Hành lang pháp lý.

Câu 2: Những quy định của pháp luật về quyển và nghĩa vụ của mọi tổ chức, cá nhân còn được gọi là?

A. Khuôn khổ pháp luật B. Khuôn khổ pháp lý

C. Hành lang pháp luật D. Hành lang pháp lý

Câu 3: Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vừng của dất nước được thể hiện:

A. Trong lĩnh vực văn hóa. B. Chủ yếu trong lĩnh vực kinh tế.

C. chủ yếu trong lĩnh vực bảo vệ mội trường. D. Trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Câu 4: Trong xu hướng toàn cẩu hóa, quốc tế hóa hiện nay và để đảm bảo sự lâu dài, hiệu quả mỗi quốc gia nên chọn phát triển theo hướng:

A. Năng động. B.Sáng tạo. C.Bền vững. D. Liên tục.

Câu 5: Những vấn để cẩn được ưu tiên giải quyết trong quá trình hướng tới mục tiêu phát triển bền vững là:

A. Kinh tế, văn hóa, xã hội, mội trường và quốc phòng an ninh.

B. Kinh tế, văn hóa, dân số, môi trường và quốc phòng an ninh,

C. Kinh tế việc làm, bình đẳng giới, văn hóa xã hội.

D. Kinh tế, văn hóa, xã hội, bình đẳng giới và quốc phòng an ninh.

Câu 6: Để thực hiện chiến lược phát triển bền vững đất nước công cụ, phương tiện được xem là có vai trò nổi bật nhất là:

A. Văn hóa. B. Pháp luật. C. Tiền tệ. D. Đạo đức.

Câu 7: Pháp luật quy định các mức thuế khác nhau đối với các doanh nghiệp, căn cứ vào:

A. Uy tín của người đứng đầu doanh nghiệp.

B. Ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn kinh doanh,

C. Thời gian kinh doanh của doanh nghiệp

D. Khả năng kinh doanh của doanh nghiệp

Câu 8: Nhà nước sử dụng các công cụ chủ yếu nào để khuyến khích các hoạt động kinh doanh trong những ngành nghề có lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước:

A. lĩ giá ngoại tệ. B. Thuế,

C. Lãi suất ngân hàng. D. Tín dụng.

Câu 9: Việc đưa ra các quy định về thuế, pháp luật đã tác động đến lĩnh vực:

A. Môi trường. B. Kinh tế.

C. Văn hóa. D. Quốc phòng an

Câu 10: Đối với sự phát triển ldnh tế - xã hội văn hóa được xem là:

A. Điểu kiện. B. Cơ sở. C. Tiền đề. D. Động lực.

Cây 11: Vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường là:

A. Ngăn ngừa, hạn chế tác động xấu của con người trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên, thiên nhiên.

B. Xác định trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

C. Điểu hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi tường sinh thái.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 12: Câu có nội dung đúng về bảo vệ môi trường là:

A. Ở những nơi nhiều ao, hồ, sông, suối không cẩn tiết kiệm nước.

B. Cải tạo hổ nước ngọt thành hổ nước lợ nuôi tôm có giá trị kinh tế nhưng có hại cho môi trường. C. Lấp vùng đẫm lẩy rộng lớn để xây dựng khu dân cư mới là làm cho môi trường sạch, đẹp.

D. Dùng nhiều phân hóa học sẽ tốt cho đất.

Câu 13: Quyền tự do kinh doanh của công dân có nghĩa là:

A. Mọi cồng dân đểu có quyền thực hiện hoạt động kinh doanh.

B. Công dân có quyền quyết định quy mô và hình thức kinh doanh.

C. Công dân có thể kinh doanh bất kỳ ngành, nghề nào theo sở thích của minh.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 14: Luật nghĩa vụ quân sự quy định độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình là:

A. Từ 18 đến 27 tuổi. B. Từ 17 tuổi đến 27 tuổi,

C. Từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi. D. Từ đủ 17 tuổi đến hết 25 tuổi.

Câu 15: Vai trò của Nhà nước đối với vấn để phát triển văn hóa là:

A. Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể.

B. Khuyến khích tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động văn hóa. C. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, làm giàu kho tàng văn hóa Việt Nam. D. Tất cả các phương án trên.

Câu 16: Pháp luật bảo vệ môi trường quy định:

A. Bảo vệ môi trường phải gắn hài hòa với phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội để phát triển bền vững đất nước.

B. Bảo vệ môi trường phải phù hợp quy luật, đặc điểm lịch sử, phù hợp với trinh độ phát triển kinh tế - xã hội.

C. Bảo vệ môi trường là việc làm thường xuyên, ngăn ngừa và khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường.

D. Tất cả các phương án trên.

Câu 17: Nhận định nào sau đây sai?

A. Để tăng trưởng kinh tế Nhà nước chỉ cần chủ trương chính sách.

B. Pháp luật tạo ra khung pháp lý cần thiết của hoạt động kinh doanh.

C. Trong lĩnh vực kinh tế, vai trò pháp luật được thể hiện ở sự tác động của pháp luật đến quá trình tăng trưởng kinh tế.

D. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hiện nay, Nhà nước ta cần ban hành các luật quan trọng.

Câu 18: Pháp luật... quyền tự do kinh doanh của công dân để khơi dậy và phát huy mọi tiền năng trong xã hội.

A. Ghi nhận và bảo đảm. B. Ban hành và thực hiện,

C. Quy định và khuyến khích. D. Tất cả đều sai.

Câu 19: Pháp luật khuyến khích các hoạt động lãnh doanh trong những ngành, nghề có lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phẩn thúc đẩy kinh doanh phát triển thông qua

A. Các chủ trương, chính sách về kinh tế. B. Các điểu luật kinh tế cụ thể.

C. Các quy định về thuế. D. Tất cả đểu sai.

Câu 20: Theo quy định của luật Doanh nghiệp, những người nào dưới đây không có quyển thành lập và quản lý doanh nghiệp?

A. Những người đang làm việc trong cơ quan nhà nước.

B. Cán bộ, công chức Nhà nước.

C. Những người đang bị các hinh thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo.

D. Sinh viên các trường đại học, cao đẳng.

Câu 21: Khi thực hiện hoạt động kinh doanh, người kinh doanh phải thực hiện nghĩa vụ nào sau đây?

A. Kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy phép kinh doanh.

B. Sản xuất mặt hàng mà Nhà nước yêu cẩu.

C. Cải tiến kỹ thuật sản xuất.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 22: Pháp luật vể bảo vệ phát triển rừng nghiêm cấm hành vi nào dưới đây?

A. Tự ý chặt phá, khai thác rừng trong khu bảo tồn thiên nhiên.

B. Khai thác, kinh doanh các loài gỗ quý.

C. Kinh doanh động vật hoang dã, quý hiếm.

D. Chuyển đổi mục đích sử dụng rừng.

Câu 23: Pháp luật về phát triển văn hóa gồm nội dung nào dưới đây?

A. Phòng, chống tệ nạn xã hội.

B. Dân số và giải quyết việc làm.

C. Giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc.

D. Xóa đói, giảm nghèo.

Câu 24: Ý kiến nào dưới đây là đúng?

A. Pháp luật có vai trò làm ổn định nển kinh tế đất nước, mà nền kinh tế đất nước sẽ phát triển bển vững.

B. Pháp luật góp phân bảo vệ môi trường, mà môi trường được bảo vệ thì  
sẽ phát triển bền vững.

C. Pháp luật góp phần làm tăng trưởng và phát triển kinh tế, là điều kiện cho phát triển bền vững đất nước.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 25: Hành vi nào bị nghiêm cấm trong luật bảo vệ môi trường dưới đây?

A. Buôn bán và vận chuyển chất ma túy.

B. Nhập khẩu, quá cảnh động vật chưa qua kiểm dịch.

C. Trồng rừng. D. Chặt cằy.

Câu 26: Hành vi nào không bị cấm trong luật bảo vệ môi trường dưới đây?

A. Phá hoại, khai thác trái phép nguồn tài nguyên thiên nhiên.

B. Gây tiếng ồn, độ rung vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

C. Thải khói, bụi, khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí. D. Chặt cây

Câu 27: Trong các quyền sau, quyền nào là không phải quyền của doanh nghiệp trong luật Doanh nghiệp?

A. Tự chủ kinh doanh B. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh

C. Kinh doanh xuẩt khẩu, nhập khẩu D. Đóng thuế

Câu 28: Trong các cơ sở kinh doanh sau, cơ sở nào được miễn, giảm thuế theo như luật Doanh nghiệp năm 2008?

A. Doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

B. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đẩu tư thuộc lĩnh vực sản xuất sản phẩm phần mềm

C. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đẩu tư thuộc lĩnh vực sản xuất may mặc, dệt kim

D. Doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực y tế

Câu 29: Nghĩa vụ nào sau đây không thuộc những nghĩa vụ trong kinh doanh?

A. Tuân thủ các quy định trong kinh doanh. B. Bảo vệ môi trường.

C.. Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. D. Nộp thuế đẩy đủ theo quy định của pháp luật.

Câu 30: Những ai được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp?

A. Sỹ quan, hạ sỹ quan.

B. Người chưa thành niên.

C. Công nhân quốc phòng trong các cơ quan công an.

D. Những người đang làm việc trong cơ quan nhà nước.

Câu 31: Pháp luật về phát triển văn hóa không nghiêm cấm những hành vi nào sau đây?

A. Truyền bá tư tưởng và văn hóa phản động. B. Mê tín dị đoan.

C. Tệ nạn xã hội. D. Khai thác trái phép nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 32: Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, pháp luật có vai trò gì?

A. Trừng trị nghiêm khắc mọi hành vi xâm hại đến môi trường.

B. Ngăn ngừa, hạn chế tác động của con người đến môi trường, nhằm bảo vệ có hiệu quả môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

C. Bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư.

D. Bảo vệ môi trường cho các thế hệ tương lai.

Câu 33: Trong lĩnh vực văn hóa, vai trò của pháp luật được thể hiện như thế nào?

A. Tác động tích cực vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam.

B. Giữ gìn nền văn hóa dân tộc.

C. Góp phấn hội nhập với nền văn hóa thế giới.

D. Duy trì đời sống văn hóa của mỗi dân tộc.

Câu 34: Vai trò của pháp luật được thể hiện như thế nào trong lĩnh vực xã hội?

A. Giải quyết việc làm cho nhân dân.

B. Phòng, chống các tệ nạn xã hội.

C. Giải quyết việc xóa đói giảm nghèo.

D. Góp phần tích cực vào việc đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội.

Câu 35: Em đổng ý với khẳng định nào dưới đây về quyền tự do kinh doanh của công dân?

A. Công dân được kinh doanh bất cứ ngành nghề nào.

B. Cồng dân, không phân biệt độ tuổi, vị trí công tác đều có quyền thành lập doanh nghiệp.

C. Mọi công dân, khi có đủ điều kiện do pháp luật quy định đều có quyển tiến hành hoạt động kinh doanh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận đăng ký kinh doanh.

D. Công dân được quyển tự do tuyệt đối trong kinh doanh.

Câu 36: Pháp luật về quốc phòng và an ninh bao gổm các quy định về những nội dung nào?

A. Trách nhiệm của công dân đối với quốc phòng và an ninh đất nước.

B. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia.

C. Nguyên tắc bảo đảm quốc phòng và phát triển kinh tế.

D. Tất cả những đáp án trên

Câu 37: Nghĩa vụ nào mà không phải là nghĩa vụ của doanh nghiệp trong luật doanh nghiệp?

A. Đăng ký mã số thuế.

B. Bảo vệ tài nguyên môi trường.

C. Hoạt động đúng ngành nghề đăng ký trong giấy chứng nhận đăng kỷ kinh doanh.

D. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

Câu 38: Hành vi nào không bị cấm trong luật An ninh quốc gia?  
Á. Phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. B. Giết người.

C. Lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia để xâm phạm lợi ích của Nhà nước. D. Cung cấp tài chính, vũ khí, phương tiện cho các tổ chức, cá nhân hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia

Câu 39: Thuế giá trị gia tăng là gì?

A. Thuế tính trên khoản tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

B. Tiền thuế tăng lên trong mỗi năm.

C. Thuế tính trên khoản giảm đi của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

D. Tiền thuế giảm đi trong mỗi năm.

Câu 40: Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của ai?

A. Nhà nước. B. Chính phủ. C. Bộ Quốc phòng an ninh. D. Quốc hội.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 8** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018**  **Môn: GDCD**  *Thời gian: 50 phút* |

Câu 1: Pháp luật không có vai trò gì trong quan hệ giữa các quốc gia?

A. Pháp luật là phương tiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các quốc gia.

B. Pháp luật là cơ sở để thực hiện hợp tác kinh tế - thương mại giữa các quốc gia

C. Pháp luật là cơ sở để phân chia quyển lực giữa các Nhà nước.

D. Pháp luật là cơ sở để bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Câu 2: Điều ước quốc tế được hiểu là gì?

A. Một điều ước về hòa bình. B. Một văn kiện quốc tế.

C. Một văn bản pháp luật quốc gia. D. Một văn bản về hòa bình.

Câu 3: Các quốc gia thực hiện điều ước quốc tế bằng cách nào?

A. Ban hành văn bản pháp luật mới của quốc gia. B. Ký kết điểu ước quốc tế khác.

C. Hợp tác đẩu tư phát triển kinh tế. D. Tất cả đều đúng.

Câu 4: Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em là điều ước quốc tế về nội dung nào?

A. Điểu ướcquốc tế về hòa bình. B. Điều ướcquốc tế về hữu nghị.

C. Điều ước quốc tế về quyền con người. D. Điều ước quốc tế về nhân đạo.

Câu 5: Hiệp ướcvề biên giới trên bộ giữa Việt Nam với Trung Quốc là điều ướcquốc tế về nội dung nào?

A. Điều ướcquốc tế về hợp tác. B. Điều ướcquốc tế về hợp tác kinh tế.

C. Điều ướcquốc tế về hòa bình, hữu nghị. D. Điều ướcquốc tế về an ninh, quốc phòng.

Câu 6: Việt Nam đã ký các hiệp ước, hiệp định về biên giới với những quốc gia nào?

A. Với tất cả các nước.

B. Với 4 nước làng giềng là Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan.

C. Chỉ với Trung Quốc.

D. Với tất cả các nước ở Châu Á.

Câu 7: Việt Nam kí kết các điểu ước quốc tế về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế nhằm mục đích gì?

A. Hòa nhập vào nền kinh tế thế giới. B. Bảo vệ an ninh quốc gia.

C. Tranh thủ sự viện trợ vể kinh tế của các nước. D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 8: Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển là điều ước quốc tế về nội dung:

A. Điều ước quốc tế về quyền con người. B. Điều ước quốc tế về h<ja bình, hữu nghị.

C. Điều ước quốc tế về nhân đạo. D. Điều ước quốc tế về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Cây 9: Nghị định thư Ki - ô - tô về môi trường là điểu ước quốc tế về nội dung nào?

A. Điều ước quốc tế về quyền con người. B. Điều ước quốc tế về hòa bình, hữu nghị,

C. Điều ước quốc tế về nhân đạo. D. Điều ước quốc tế vể hội nhập lánh tế khu vực và quốc tế.

Cây 10: Hiệp ước về biên giới giữa Việt Nam với các nước láng giềng là điều ước quốc tế thuộc nội dung nào?

A. Điểu ước quốc tế về quyền con người. B. Điều ước quốc tế vể hòa bình, hữu nghị,

C. Điều ước quốc tế về nhân đạo. D. Điều ước quốc tế về hội nhập lành tế khu vực và quốc tế.

Câu 11: Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư là điều ước quốc tế thuộc nội dung nào?

A. Điều ước quốc tế về quyền con người. B. Điều ước quốc tế về hòa bình, hữu nghị.

C. Điều ước quốc tế về nhân đạo. D. Điều ước quốc tế về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Cây 12: Hiệp định thương mại Việt Nam - Nhật Bản là điểu ước quốc tế thuộc nội dung nào?

A. Điều ước quốc tế về quyển con người. B. Điều ước quốc tế về hòa bình, hữu nghị,

C. Điều ước quốc tế về nhân đạo. D. Điều ước quốc tế về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Câu 13: Số điện thoại báo cháy khẩn cấp là

A. 113 B. 114 C. 115 D. 116

Câu 14: Công ước về chống phân biệt đối xử với phụ nữ là điều ước quốc tế thuộc nội dung nào?

A. Điều ước quốc tế về quyền con người. B. Điều ước quốc tế về hòa bình, hữu nghị,

C. Điều ước quốc tế về nhân đạo. D. Điều ước quốc tế vể hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Câu 15: Công ước về loại trừ các hình thức phân biệt chủng tộc là điều ước quốc tế thuộc nội  
dung nào?

A. Điều ước quốc tế về quyền con người. B. Điều ước quốc tế về hòa bình, hữu nghị,  
C. Điều ước quốc tế về nhân đạo. D. Điều ước quốc tế về hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Câu 16: Liên hiệp quốc ra Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người vào năm bao nhiêu?

A. Năm 1945 B. Năm 1946 C. Năm 1948 D. Năm 1950

Câu 17: Việt Nam phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em vào năm bao nhiêu?

A. Năm 1990 B. Năm 1991 C. Năm 1992 D. Năm 1993

Câu 18: Quốc hội nước ta đã ban hành luật Biên giới quốc gia vào năm nào?

A. Năm 2000 B. Năm 2001 C. Năm 2002 D. Năm 2003

Câu 19: Việt Nam đã trở thành thành viên của diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái bình dương (APEC) vào năm nào?

A. Năm 1998 B. Năm 1999 C. Năm 2000 D. Năm 2001

Câu 20: “Điều ước quốc tế song phương” nghĩa là gì?

A. Là điều ước quốc tế có từ 3 nước hoặc tổ chức quốc tế trở lên ký kết hoặc tham gia.

B. Là điều ước quốc tế có hai nước hoặc tổ chức quốc tế kỷ kết.

C. Là những điều mà hai quốc gia mong muốn được thực hiện cùng nhau.

D. Cả ba phương án trên.

Câu 21: “Điều ước quốc tế đa phương” nghĩa là gì?

A. Là điều ước quốc tế có từ 3 nước hoặc tổ chức quốc tế trở lên ký kết hoặc tham gia.

B. Là điều ước quốc tế có hai nước hoặc tổ chức quốc tế kỷ kết.

C. Là nhũng điều mà hai quốc gia mong muốn được thực hiện cùng nhau.

D. Cả ba phương án trên.

Câu 22: Việt Nam chính thức tham gia hiệp ước Hữu nghị và hợp tác ở Đông Nam Á (hiệp ước Bali) vào năm nào?

A. Năn 1990 B. Năm 1991 C. Năm 1992 D. Năm 1993

Câu 23: Việt Nam trở thành thành viên của ASIAN vào năm nào?

A. Năm 1990 B. Năm 1992 C. Năm 1995 D. Năm 1998

Câu 24: Nói đến vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước là nói đến sự tác động của pháp luật đối với.

A. Các lĩnh vực của đời sống xã hội. B. Lĩnh vực bảo vệ môi trường,

C. Việc xây dựng và bảo vệ đất nước. D. Phát triển kinh tế đất nước.

Câu 25: Pháp luật phát triển các lĩnh vực xã hội bao gồm các quy định về

A. Dân số và giải quyết việc làm. B. Phòng, chống tệ nạn xã hội.

C. Xóa đói giảm nghèo và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

D. Cả A, B, c đều đúng.

Câu 26: Pháp luật quy định củng cố quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ của toàn quân mà nòng cốt là….và Công an nhân dân.

A. Bộ đội B. Quân đội nhân dân C. Dân quân tự vệ D. toàn dân

Cân 27: Tính đến năm 2008 nước Việt Nam đã có quan hệ thương mại với bao nhiêu nước khác nhau?

A. 100 nước. B. 120 nước. C. 140 nước. D. 160 nước.

Cây 28: Tính đến năm 2008 nước Việt Nam đã có quan hệ đầu tư với bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ?

A. Khoảng 10 quốc gia và vùng lãnh thổ. B. Khoảng 30 quốc gia và vùng lãnh thổ.

C. Khoảng 70 quốc gia và vùng lãnh thổ. D. Khoảng 100 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Cây 29: Việt Nam tham gia hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung từ năm bao nhiêu?

A. Năm 1992 B. Năm 1994 C. Năm 1995 D. Năm 1996

Câu 30: Ở nước ta cơ quan được gọi là cơ quan “Lập pháp” là:

A. Bộ Tư pháp. B. Chính phủ. C. Quốc hội. D. Viện kiểm sát.

Câu 31: Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiệm kỳ mấy năm?

A. 4 năm B. 5 năm C. 6 năm D. 3 năm

Cây 33. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh nào của nước ta?

A. Đà Nẵng. B. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

C. Tỉnh Khánh Hòa. D. Tỉnh Quảng Ngãi.

Câu 34. Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành phố nào của nước ta?

A. Quảng Nam. B. Quảng Trị. C. Quảng Ngãi. D. Đà Nẵng.

Câu 35: Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe gắn máy chỉ được chở một người, trừ những trường hợp sau thì được chở tối đa hai người:

A. Chở người bệnh đi cấp cứu. B. Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.

C. Trẻ em dưới 14 tuổi. D. Cả 3 câu đều đúng.

Cây 36. Người từ đủ bao nhiêu tuổi có quyền đăng ký học giấy phép lái xe hạng Al?

A. Từ đủ 18 tuổi trở lên. B. Từ đủ 20 tuổi trở lên.

C. Từ đủ 16 tuổi trở lên. D. Từ đủ 17 tuổi trở lên.

Câu 37: Khi xảy ra tai nạn giao thông, người điều khiển phương tiện gây ra vụ tai nạn có trách nhiệm

sau đây:

A. Dừng ngay phương tiện; giữ nguyên hiện trường.

B. Cấp cứu người bị nạn và phải có mặt khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

C. Cả A và B đúng.

D. Cả A và B sai.

Cây 38: Người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

A. Giấy đăng ký xe; giấy phép lái xe.

B. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự; giấy đăng ky xe; giấy phép lái xe.

C. Giấy đăng ký xe; giấy phép lái xe; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.

D. Giấy phép lái xe; giấy đăng kỷ xe; giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.

Cây 39: Độ tuổi được phép điểu khiển xe máy có dung tích xi - lanh dưới 50 cm3

A. Từ đủ 16 tuổi trở lên. B. Từ đủ 17 tuổi trở lên.

C. Từ đủ 18 tuổi trở lên. D. Cả 3 câu trên đều sai.

Câu 40: Thông tin báo cháy và chữa cháy được thực hiện bằng cách nào?

A. Điện thoại. B. Hiệu lệnh. C. Thư điện tử. D. A và B đúng.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 9** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018**  **Môn: GDCD**  *Thời gian: 50 phút* |

Câu 1. Để quản lý xã hội, Nhà nước đã ban hành hệ thống quy tắc xử sự chung đó gọi là:

A. Chính sách. B. Cơ chế. C. Pháp luật. D. Đạo đức.

Câu 2. Hiến pháp hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là hiến pháp năm:

A. 2013. B. 2016. C.1992. D. 1980.

Câu 3. Quốc hiệu (tên nước) đầy đủ của Việt Nam hiện nay là:

A.Việt Nam dân chủ Cộng hòa. B.Cộng hòa nhân dân Việt Nam.

C.Việt Nam xã hội chủ nghĩa. D. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 4. Luật “cơ bản” của Nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất gọi là:

A**.** Luật Hình sự. B. Luật Hành chính. C. Hiến pháp. D. Luật Dân sự.

Câu 5. Pháp luật có vai trò thế nào đối với công dân:

A. Bảo vệ quyền tự do tuyệt đối của công dân. B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

C. Bảo vệ lợi ích của công dân. D. Bảo vệ mọi nhu cẩu của công dân.

Câu 6. Nội dung của tất cả các văn bản đều phải phù hợp, không được trái:

A. Hiến pháp. B. Bộ luật Hình sự. C.Bộ luật Dân sự. D. Bộ luật Lao động.

Câu 7. Theo quy định của pháp luật thì cơ quan nào có thẩm quyền quyết định hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật

A. Ủy ban nhân dân phường, xã. B. Ủy ban nhân dân quận, huyện,

C. Tòa án. D. Phòng tư pháp.

Câu 8: Tòa án căn cứ vào pháp luật để ra một bản án là:

A. Công bổ pháp luật. B. Vận dụng pháp luật,

C.Căn cứ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 9: Các tổ chức cá nhân chủ động thực hiện nghĩa vụ (những việc phải làm) là:  
A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật,

C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 10: Các tổ chức cá nhân không làm những việc bị cấm là:

A. Sử dụng pháp luật. B. Thi hành pháp luật,

C. Tuân thủ pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 11: Một trong những dấu hiệu cơ bản của hành vi vi phạm pháp luật là:

A. Do người có trách nhiệm pháp lý thực hiện. B. Do người tâm thẩn thực hiện.

C.Do người 19 tuổi trở lên thực hiện. D. Tất cả đều sai.

Câu 12: Người bị coi là tội phạm nếu:

A. Vi phạm hành chính. B. Vi phạm hình sự.

C. Vi phạm kỷ luật. D. Vi phạm dân sự.

Cãu 13: Điền từ còn thiếu vào dấu ...: “Trách nhiệm pháp lý là ... mà các cá nhân hoặc tổ chức phải  
gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình”.

A. Nghĩa vụ. B. Trách nhiệm. C.Việc. D. Cả A, B, cđều sai.

Câu 14: Người đi xe máy không đội mũ bảo hiểm là hành vi vi phạm

A. Hình sự. B. Dân sự. C. Hành chính. D. Kỷ luật.

Câu 15: Theo Hiến pháp năm 2013, tự do kinh doanh được quy định là:

A. Nghĩa vụ của công dân. B. Trách nhiệm của công dân.

C. Quyền và nghĩa vụ của công dân. D. Quyền của công dân.

Câu 16: Hiếp dâm trẻ em là hành vi vi phạm:

A. Hành chính. B. Dân sự. C. Hình sự. D. Kỷ luật.

Câu 17: Bên mua không trả tiền đầy đủ và đúng thời hạn, đúng phương thức như đã thỏa thuận với bên bán hàng, khi đó bên mua đã có hành vi vi phạm:

A. Kỷ luật. B. Dân sự. C. Hình sự. D. Hành chính.

Câu 18: Cố ý lái xe gây tai nạn nghiêm trọng cho người khác là hành vi vi phạm

A. Kỷ luật. B. Dân sự. C. Hình sự. D. Hành chính.

Câu 19: Khi thuê nhà ông A, ông B đã tự động sửa chữa, cải tạo mà không hỏi ý kiến ông A. Hành  
vi này của ông B là hành vi vi phạm

A. Dân sự. B. Hình sự. C. Kỷ luật. D. Hành chính.

Câu 20: Bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm của:

A. Công dân nam từ 17 tuổi trở lên. B. Công dân nam từ 18 tuổi trở lên.

C. Công dân từ 20 tuổi trở lên. D. Mọi công dân Việt Nam.

Cãu 21: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới

A. Quan hệ xã hội và quan hệ kinh tế. B. Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân,  
C. Quan hệ lao động và quan hệ xã hội. D. Quan hệ kinh tế và quan hệ lao động.

Câu 22: Học sinh sử dụng tài liệu khi kiểm tra giữa kỳ là hành vi vi phạm:

A. Dân sự. B. Hình sự. C. Kỷ luật. D. Hành chính

Cây 23: Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của

A. Cơ quan nhà nước. B. Chủ doanh nghiệp.

C. Hộ gia đình. D. Mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

Câu 24: Trên đường giao thông, khi hiệu lệnh của người điểu khiển giao thông trái với hiệu lệnh của đèn hoặc biển báo thì người tham gia giao thông phải chấp hành theo hiệu lệnh nào?

A. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông. B. Hiệu lệnh của đèn điểu khiển giao thông,

C. Hiệu lệnh của biển báo hiệu đường bộ. D. Tất cả đều đúng.

Câu 25: Đảo vừa có diện tích lớn nhất, vừa có ý nghĩa quan trọng vể du lịch, an ninh - quốc phòng có tên là gì? Tại đâu?

A. Đảo Côn Đảo - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. B. Đảo Phú Quốc – Tỉnh Kiên Giang.

C. Đảo Lý Sơn - Tinh Quảng Ngãi. D. Đảo Cồn Cỏ - Tỉnh Quảng Bình.

Câu 26: Khi nói đến bình đẳng có thể hiểu là vấn đê' nào được đề cập trước hết?

A. Nghĩa vụ. B. Quyền lợi. C. Trách nhiệm. D. Cách đối xử

Câu 27: Pháp luật nước ta quy định: người sử dụng lao động phải là người đủ độ tuổi tối thiểu là bao nhiêu tuổi trở lên?

A. Là người thuộc mọi lứa tuổi B. Là người đủ từ 15 tuổi trở lên.

C. Là người đủ tù 18 tuổi trở lên D. Là người đủ từ 20 tuổi trở lên.

Câu 28: “Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân”. Được quy định tại điều bao nhiêu trong Hiến Pháp năm 1992 của nước ta?

A. Điều 41. B. Điều 51. C. Điều 61 D. Điều 71.

Câu 29: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỉ lệ thương tật là bao nhiêu thì bị truy cứu ưách nhiệm hình sự?

A. Từ 10% trở lên. B. Từ 11% trở lên. C. Từ 20% trở lên. D. Từ 21% trở lên

Câu 30: Câu nói của Bác Hổ: “Bảy xin Hiến pháp ban hành, trăm điểu phải có thần linh pháp quyền” thể hiện yếu tố nào?

A. Thế giới quan duy vật. B. Thế giới quan duy tâm.

C. Phương pháp luận duy tâm. D. Phương pháp luận siêu hình.

Câu 31: Luật chống “bạo lực gia đình” của nước ta có hiệu lực thi hành từ thời gian nào?

A. 01/07/2008. B. 02/07/2008. C. 01/08/2008. D. 02/08/2008.

Câu 32: Nếu không có pháp luật thì xã hội sẽ?

A. Không thể tồn tại và phát triển. B. Vẫn tồn tại và phát triển bình thường,

C. Vẫn tồn tại nhưng không thể phát triển được. D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Câu 33: Văn bản quy phạm pháp luật chính là?

A. Phương thức tác động của pháp luật. B. Nguồn gốc của pháp luật

C. Hình thức thể hiện của pháp luật. D. Nội dung của pháp luật.

Cây 34: Học sinh Trung học phổ thông có nghĩa vụ nào sau đây?

A. Đóng tiền lao động công ích. B. Tham gia nghĩa vụ quân sự.

C. Bảo vệ tài sản của Nhà nước. D. Đóng quỹ bảo hiểm xã hội.

Câu 35: Nhà nước ta điều hành đất nước bằng?

A. Quân đội và chính quyền. B. Kế hoạch phát triển kinh tế.

C. Văn hóa, giáo dục, chính trị. D. Hiến pháp và pháp luật.

Câu 36: Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì xử phạt như thế nào?

A. Chỉ xử phạt người cầm đấu, tổ chức. B. Xử phạt chung cho tập thể đó.

C. Mỗi người vi phạm đều bị xử phạt. D. Tất cả đáp án đều sai.

Câu 37: Thực hiện đúng nguyên tắc trong hợp đồng lao động mang lại quyền lợi cho?

A. Cho xã hội. B. Cho Nhà nước.

C. Cho người lao động và người sử dụng lao động. D. Cả A, B, c đều đúng.

Câu 38: Việc pháp luật thừa nhận sở hữu tài sản riêng của vợ, chồng thể hiện?

A. Phù hợp với mô hình gia đình tiến bộ. B. Thiếu cơ sở.

C. Không mâu thuẫn nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chổng. D. Mâu thẫn nguyên tắc bình đẳng giữa vợ và chổng.

Câu 39: Trong cùng một điều kiện như nhau, mức độ sử dụng các quyền và nghĩa vụ của công dân phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố nào?

A. Thực tế đời sống xã hội. B. Đời sống tâm lý của cộng đổng.

C. Khả năng, điểu kiện và hoàn cảnh của mỗi người. D. Cả A, B và c đều đúng.

Câu 40: Theo điều 8 của bộ luật hình sự năm 1999, quy định có bao nhiêu loại tội phạm?

A. 4 loại tội phạm. B. 5 loại tội phạm. C. 6 loại tội phạm. D. 7 loại tội phạm.

|  |  |
| --- | --- |
| **www.trangtailieu.com**  **ĐỀ 10** | **ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA NĂM 2018**  **Môn: GDCD**  *Thời gian: 50 phút* |

Câu 1: Pháp luật mang đặc trưng nào dưới đây?

A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính cơ bản.

c. Tính hình thức. D. Tính xã hội.

Câu 2: Cơ quan, tổ chức duy nhất nào có quyền ban hành và đảm bảo thực hiện pháp luật?

A. Các cơ quan nhà nước. B. Quốc hội

C. Chính phủ. D. Nhà nước.

Câu 3: Luật nào là luật cơ bản của Nhà nước?

A. Lụật kinh tế. B. Luật chính trị. C.Hiến pháp. D. Luật đối ngoại.

Câu 4: Tại sao nói pháp luật mang bản chất giai cấp?

A. Vì pháp luật là của một giai cấp xây dựng nên.

B. Vì pháp luật đại diện cho toàn bộ các giai cấp trong xã hội.

C. Vì pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội

D. Vì pháp luật do Nhà nước, đại diện cho giai cấp cầm quyền ban hành và bảo đảm thực hiện

Câu 5: Các quy phạm pháp luật bắt nguồn từ đâu?

A. Từ con người. B. Từ thực tiễn đời sống xã hội.

C. Từ các mối quan hệ xã hội. D. Từ chuẩn mực xã hội.

Câu 6: Không có pháp luật, xã hội sẽ không?

A. Dân chủ và hạnh phúc B. Trật tự và ổn định

C. Hòa bình và dân chủ D. Sức mạnh và quyền lực

Câu **7:** Xã hội Việt Nam đã trải qua các chế độ xã hội nào dưới đây?

A. Chủ nô, phong kiến, tư hữu, xã hội chủ nghĩa

B. Phong kiến, chủ nô, tư sản, xã hội chủ nghĩa

C. Chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản, xã hội chủ nghĩa

D. Chiếm hữu nô lệ, chủ nô, tư bản, xã hội chủ nghĩa  
**Câu** 8: Văn bản nào dưới đây **không** mang tính pháp luật?

A. Hiến pháp. B. Nội quy. C. Nghị quyết. D. Pháp lệnh.

Câu 9: Trong các quy tắc dưới đây, quy tắc nào là quy phạm pháp luật?

A. Anh chị em trong gia đình phải yêu thương lẫn nhau.

B. Giúp đỡ người già khi qua đường.

C. Gặp đèn đỏ khi qua đường phải dừng lại.

D. Giúp đỡ bố mẹ làm việc nhà.

Câu 10: Người nào tuy có điểu kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính  
mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

A. Vi phạm pháp luật hành chính. B. Vi phạm pháp luật hình sự.

C. Vi phạm pháp luật dân sự. D. Vi phạm quy tắc đạo đức.

Câu 11: Em hãy cho biết, Hiến pháp nước ta được sửa đổi mới nhất vào năm nào?

A. 1992 B. 2000 C. 2013 D. 2015

Câu 12: Trong các hành vi sau thì hành vi nào là không vi phạm pháp luật?

A. Hai người chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn và công nhận của Nhà nước.

B. Cưỡng đoạt tài sản.  
C. Đánh nhau gây thương tích.

D. Đánh bài không ăn tiền hay trao đổi hiện vật.

Câu 13: Trong các điều luật sau, điều luật nào không thể hiện quan niệm, chuẩn mực đạo đức  
trong đó?

A. Con cái có bổn phận yêu quý kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ.

B. Nghiêm cấm chất thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; các chất độc, chất phóng xạ  
và chất nguy hại khác vào đất, nguồn nước.

C. Không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.

D. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phẩn  
đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

Câu 14: Chị H và anh N yêu nhau được 3 năm và hai người tính chuyện kết hôn. Nhưng bố chị H  
lại có xích mích với gia đình nhà anh N từ lâu nên rất ghét và không muốn gả con cái cho  
anh N mà lại muốn gả cho anh B. Không những thế, bố chị N còn tuyên bố sẽ cản trở đến  
cùng nếu chị H không nghe lời bố. Như vậy bố chị N đã vi phạm quyền gì?

A. Quyền yêu đương tự do cá nhân.

B. Quyền cá nhân.

C. Quyền hôn nhân tự nguyện của công dân.  
D. Quyền quyết định cá nhân.

Câu 15: Thế giới lựa chọn ngày nào là ngày “phòng chống HIV/AIDS?

A. Ngày 1/10 B. Ngày 1/11 C. Ngày 1/12 D. Ngày 1/01

Câu 16: Pháp luật không điều chỉnh quan hệ xã hội nào dưới đây?

A. Quan hệ hôn nhân - gia đình. B. Quan hệ chính trị.

C. Quan hệ kinh tế. D. Quan hệ về tình yêu nam nữ.

Câu 17: Vi phạm hình sự là:

A. Hành vi rất nguy hiểm cho xã hội. B. Hành vi nguy hiểm cho xã hội.  
C. Hành vi tương đối nguy hiểm cho xã hội. D.Hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội.

Câu 18: Bà An có đi chùa thắp hương và mang theo rất nhiều vàng mã. Sau khi thắp hương xong bà mang vàng mã đi đốt. Do chỗ đốt vàng mã đang rất đông người và chờ thì rất lâu mà bà lại đang vội. Bà mang ra góc sân chùa và đốt. Bà An làm như vậy là vi phạm:

A. Không vi phạm gì cả. B. Vi phạm đạo đức, chuẩn mực xã hội.

C. Vi phạm nội quy nhà chùa D. Vi phạm pháp luật.

Câu 19: Pháp lệnh do cơ quan nào ban hành?

A. Ủy ban thường vụ quốc hội. B. Chính phủ.

C.Quốc hội. D. Thủ tướng Chính phủ.

Câu 20: Điểu 34, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 khẳng định: “cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con”. Điều này phù hợp với:

A. Quy tắc xử sự trong đời sống xã hội. B. Chuẩn mực đời sống tình cảm, tinh thẩn của con người.

C. Nguyện vọng của mọi công dân. D. Nét đẹp văn hóa và truyền thống của người Việt Nam.

Câu 21: Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện bản chất của ai?

A. Giai cấp công nhân. B. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

C.Giai cấp công nhân và đại đa số nhân dân lao động. D. Giai cấp công nhân và đội ngũ tri thức.

Câu 22: Anh Nam vô tình giết người rồi sợ hãi và bỏ trốn. Khi bỏ trốn được 14 giờ anh đã suy nghĩ kỹ và ra tự thú. Nhờ hành vi tự thú của mình mà anh đã được giảm án tù giam. Điều này thể hiện:

A. Sự nghiêm minh của pháp luật. B. Sự khoan hồng của pháp luật.

C. Sự khắt khe của pháp luật. D. Sự chặt chẽ của pháp luật.

Câu 23: “đầu thú” và “tự thú” là hai hành vi?

A. Khác nhau. B. Tương tự nhau.

C.Trái ngược nhau. D. Giống nhau hoàn toàn.

Câu 24: Luật Đất đai quy định về việc cưỡng chế đất dành cho những hộ gia đình không chịu giao đất cho Nhà nước để thực hiện các mục tiêu chung của xã hội. Quy định này thể hiện đặc trưng gì của pháp luật?

A. Tính quy phạm, phổ biến. B. Tính quyển lực, bắt buộc chung,

C. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức. D. Tính nghiêm minh.

Câu 25: Luật Hôn nhân và gia đình quy định về độ tuổi kết hôn: “nam đủ từ 20 tuổi trở lên và nữ đủ từ 18 tuổi trở lên” thì mới được kết hôn. Vì quy định này mà anh Tơ Nú dân tộc H mong đã phải chờ đến khi đủ 20 tuổi mới dám cưới vợ. Điều này thể hiện đặc trưng gì của pháp luật?

A. Tính quy phạm, phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

C. Tính xác định chặt chẽ vể mặt hình thức. D. Tính nghiêm minh.

**Câu 26:** Khi pháp luật có nội dung lạc hậu, không phản ánh đúng các quan hệ kinh tế hiện hành thì nó sẽ tác động tiêu cực, kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội; điểu này thể hiện:

A. Sự phụ thuộc của pháp luật vào kinh tế. B. Sự tác động ngược trở lại của pháp luật đối với kinh tế.

C. Sự hỗ trợ lẫn nhau của pháp luật và kinh tế. D. Sự đồng nhất của pháp luật và kinh tế.

**Câu** 27: Anh H là quan chức cấp cao trong Nhà nước, anh đã vi phạm tội danh cố ý giết người để bịt đẩu mối. Đứng trước pháp luật anh đã không khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, khi nhân chứng, vật chứng đẩy đủ Tòa án đã không khoan nhượng và xử anh rất nặng. Anh đã đưa ra lý do bản thân là một quan chức cấp cao và có nhiều đóng góp để nghị Tòa án giảm tội, nhưng không được Tòa chấp thuận. Điểu này thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

A. Tính quy phạm, phổ biến. B. Tính quyền lực, bắt buộc chung,

C. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức. D. Tính nghiêm minh.

**Câu** 28: Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm:

A. Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.

B. Quy định các hành vi không được làm.

C. Quy định các bổn phận của công dân.

D. Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm)

**Câu** 29: Trong lớp học, An là một học sinh hiền lành và chăm chỉ. Tuy thành tích học tập chưa cao nhưng bạn luôn cố gắng và hết mình vì bạn bè. Trong một lần xảy ra sự cố, Công an vào Trường và lục túi của An đã phát hiện có ma túy. Lúc này, An biết mình bị vu oan và thực sự sợ hãi. Nhưng An vẫn rất bình tĩnh, hợp tác với các chú Công an và tố cáo hành vi buôn bán của một nhóm học sinh trong trường giúp các chú Công an triệt phá được cả đường giây. Thông qua điều này, An đã vận dụng vai trò nào của pháp luật?

A. Pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lý xã hội.

B. Pháp luật là phương tiện để học sinh bảo vệ quyền lợi của chính mình và tố cáo hành vi sai trái trong học đường.

C. Pháp luật luôn bảo vệ lẽ phải.

D. Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Câu 30: Ông Việt tổ chức buôn bán ma túy, theo em ông sẽ chịu hình thức pháp luật nào sau đây?

A. Vi phạm luật Hành chính. B. Vi phạm luật Dân sự.

C. Vi phạm luật Kinh tế. D.Vi phạm luật Hình sự.

Câu 31: Một trong những đặc điểm để phân biệt pháp luật với quy phạm đạo đức là:

A. Pháp luật có tính quyển lực, bắt buộc chung. B.Pháp luật có tính quyển lực.  
C. Pháp luật có tính bắt buộc chung. D. Pháp luật có tính quy phạm.

Cây 32: Ngày pháp luật Việt Nam là ngày nào?  
A. Ngày 9 tháng 8 hàng năm. B. Ngày 9 tháng 9 hàng năm.  
C.Ngày 9 tháng 10 hàng năm. D. Ngày 9 tháng 11 hàng năm.

**Cây 33:** Hiến pháp đẩu tiên của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ra đời vào năm nào?

A. Năm 1945 B. Năm 1946 C.Năm 1975 D. Năm 1979

**Câu 34:** Tính đến thời điểm này, pháp luật Việt Nam đã công nhận hôn nhân đồng giới hay chưa?

A. Nhà nước đã thừa nhận hôn nhân giữa những người đồng giới và bảo vệ họ trước pháp luật khi có tranh chấp xảy ra.

B. Những người đồng giới có thể chung sống với nhau nhưng Pháp luật sẽ không xử lý khi có tranh chấp xảy ra giữa họ.

C.Nghiêm cấm kết hôn đồng giới.

D. Nghiêm cấm kết hôn đồng giới và kỳ thị những người đồng giới.

Câu 35: Tại sao Nhà nước lại cần phải có pháp luật?

A. Để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. B. Để quản lý xã hội.

C.Để bảo đảm các quyền và nghĩa vụ công dân. D. Để bảo vệ và phát triển xã hội.

Câu 36: Xác định mối quan hệ giữa pháp luật và kinh tế:

A. Pháp luật được hình thành trên cơ sở các quan hệ kinh tế và do các quan hệ kinh tế quy định.

B. Pháp luật tác động đến kinh tế theo 2 hướng tích cực và tiêu cực.

C. Pháp luật được hình thành trên cơ sở các quan hệ kinh tế và tác động ngược trở lại đối với kinh tế.

D. Pháp luật là sự phản ánh các mối quan hệ kinh tế.

Câu 37: Anh A lái xe máy và lưu thông đúng luật. Chị B đi xe đạp không quan sát và bất ngờ băng ngang qua đường làm anh A bị thương (giám định là 10%). Theo em, trong trường hợp này chị B sẽ bị xử phạt như thế nào?

A. Cảnh cáo và buộc chị B phải bổi thường thiệt hại cho gia đình anh A.

B. Cảnh cáo phạt tiền chị B.

C.Không xử lý chị B vì chị B là người đi xe đạp còn anh A là người đi xe máy.

D. Phạt tù chị B.

Câu 38: Quy tắc đạo đức nào dưới đây được ghi nhận thành Quy phạm pháp luật?

A. Con cái phải kính trọng, hiếu thảo với cha mẹ. B. Kính trên nhường dưới.

C. Lá lành đùm lá rách. D. Chị ngã, em nâng.

Câu 39: Hai thanh niên có hành vi đua xe, lạng lách, đánh võng và bị Cảnh sát giao thông bắt được, theo em hai thanh niên phải chịu hình thức pháp lý nào dưới đây?

A. Cảnh cáo, phạt tiền. B. Cảnh cáo, phạt tiền và giữ xe.

C. Cảnh cáo, giữ xe. D. Phạt tiễn, giữ xe.

Câu 40: Pháp luật Việt Nam quy định người bao nhiêu tuổi trở lên thì phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm do mình gây ra?

A. Trên 15 tuổi. B. Trên 16 tuổi. C. Trên 17 tuổi. D. Trên 18 tuổi.